

## LỜI MỞ ĐẦU

Mỗi doanh nghiệp là một mắt xích quan trọng trong nền kinh tế quốc dân, sự phát triển của doanh nghiệp góp phần đảm bảo cho nền kinh tế phồn vinh thịnh vượng. Nền kinh tế thị trường của nước ta trong những năm gần đây đã đạt được những bước tiến vững mạnh và ngày càng có nhiều doanh nghiệp thích ứng được với các quy luật của nền kinh tế và hoạt động đạt hiệu quả cao. Có được những thành tựu đó là nhờ sự nỗ lực không ngừng của mỗi doanh nghiệp ở tất cả các khâu từ sản xuất, lưu thông phân phối và tiêu thụ, trong đó không thể không kể đến công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh góp phần phản ánh và cung cấp chính xác, kịp thời những thông tin cho các cấp lãnh đạo của doanh nghiệp để có căn cứ đưa ra các quyết định, chính sách và biện pháp phù hợp để tổ chức hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao hơn. Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn cũng không nằm ngoài quy luật đó

Xuất phát từ tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh em đã mạnh dạn chọn và đi sâu nghiên cứu đề tài “ Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn ”.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng, các thầy cô trong khoa và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty đã tạo điều kiện giúp đỡ em hoàn thành đề tài này

Kết cấu bài khóa luận của em gồm 3 chương:

*Chương 1: Một số vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

*Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

*Chương 3: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

# CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP NÓI CHUNG

## 1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1.1. Một số khái niệm cơ bản

#### 1.1.1.1. Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam doanh thu được hiểu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng thêm vốn chủ sở hữu.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu.

❖ Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn cả 5 điều kiện sau:

– Doanh thu đã được chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua

– Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa

– Doanh thu được xác định là tương đối chắc chắn

– Doanh thu đã được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng

– Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

– Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

– Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ

– Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế

toán

–Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

❖ Khi hàng hóa dịch vụ được trao đổi với một hàng hóa dịch vụ khác có giá trị tương đương thì việc trao đổi đó không được coi là giao dịch tạo ra doanh thu và không được ghi nhận doanh thu

Phải theo dõi riêng biệt và chi tiết từng loại doanh thu: doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính... nhằm xác định đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và lập báo cáo kết quả kinh doanh

Nếu trong kỳ kế toán phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì kế toán viên phải hạch toán riêng và được tính trừ vào doanh thu ghi nhận ban đầu để xác định doanh thu thuần

#### **1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

❖ Chiết khấu thương mại: là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với số lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng lũy kế mà khách hàng đã mua trong một thời gian nhất định tùy thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán

❖ Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ hay một phần hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách, hoặc lạc hậu không còn phù hợp với thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau: đều là giảm cho người mua song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn

❖ Giá trị hàng bán bị trả lại: là giá trị khối lượng hàng bán được xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị mất, kém phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Khi doanh nghiệp ghi nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đồng thời ghi giảm tương ứng giá vốn hàng bán trong kỳ

❖ Các loại thuế: Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính

theo phương pháp trực tiếp

– Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu khi doanh nghiệp cung cấp các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng

– Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp có nghĩa vụ phải nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước

– Thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp là thuế tính trên giá trị tăng thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất lưu thông đến tiêu dùng, thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ báo cáo

#### ***1.1.1.3. Giá vốn hàng bán***

– Đối với doanh nghiệp sản xuất: Trị giá vốn của hàng xuất kho để bán hoặc thành phẩm hoàn thành không nhập kho đưa ra bán ngay chính là giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm xuất kho hoặc giá thành sản xuất thực tế của thành phẩm hoàn thành. Giá vốn hàng bán thành phẩm xuất kho có thể xác định theo một trong các phương pháp sau: phương pháp bình quân gia quyền, phương pháp nhập trước xuất trước, nhập sau xuất trước, phương pháp thực tế đích danh

– Đối với doanh nghiệp thương mại: Trị giá vốn của hàng hóa xuất kho để bán bao gồm trị giá mua thực tế của hàng xuất kho để bán và chi phí thu mua hàng phân bổ cho số hàng đã bán

#### ***1.1.1.4. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp***

– Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí dụng cụ đồ dùng, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bảo hành sản phẩm, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác

– Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn

doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý, chi phí vật liệu quản lý, chi phí đồ dùng văn phòng, chi phí khấu hao tài sản cố định, thuế, phí, lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí dự phòng, chi phí bằng tiền khác

#### **1.1.1.5. Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

– Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa dịch vụ, lãi cho thuê tài chính...

– Chi phí hoạt động tài chính bao gồm: các khoản chi phí hay các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch chứng khoán, khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ...

#### **1.1.1.6. Thu nhập khác và chi phí khác**

– Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm: thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, thu tiền do khách hàng vi phạm hợp đồng, thu các khoản nợ khó đòi đã qua xử lý xóa sổ, các khoản thuế được ngân sách Nhà nước hoàn lại, các khoản thu nhập khác

– Chi phí khác phát sinh bao gồm: chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy nộp thuế, các khoản chi phí khác...

#### **1.1.1.7. Xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

+ Kết quả của hoạt động kinh doanh thông thường là kết quả của những hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, đây là hoạt động bán hàng, cung cấp dịch vụ và hoạt động tài chính

+ Kết quả hoạt động khác: là kết quả từ các hoạt động bất thường khác không tạo ra doanh thu của doanh nghiệp, được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác

### **1.1.2. Vai trò ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp**

Mỗi doanh nghiệp khi tiến hành sản xuất kinh doanh nhằm mục đích cung cấp hàng hóa dịch vụ cần thiết cho thị trường và tạo ra nguồn lợi cho bản thân doanh nghiệp.

– Doanh thu là nguồn thu quan trọng để doanh nghiệp bù đắp chi phí, trang trải số vốn đã bỏ ra để chi tiền lương cho công nhân viên, chi phí đầu vào cho hàng hóa dịch vụ, các khoản thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước...

– Doanh thu đảm bảo cho doanh nghiệp khả năng tái sản xuất kinh doanh mở rộng quy mô sản xuất

– Doanh thu cũng là nguồn tài chính quan trọng để doanh nghiệp có thể tham gia góp vốn cổ phần, tham gia liên doanh liên kết với các đơn vị khác...

– Bên cạnh đó doanh thu còn là đòn bẩy kinh tế có tác dụng khuyến khích người lao động và các đơn vị kinh tế ra sức làm việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh

– Cùng với việc hạch toán doanh thu thì xác định kết quả kinh doanh cũng là một khâu thiết yếu của doanh nghiệp, kết quả kinh doanh là cơ sở đánh giá hiệu quả cuối cùng của hoạt động kinh doanh trong một kỳ kế toán của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh là điều kiện tốt nhất cung cấp các thông tin cần thiết giúp cho ban lãnh đạo có thể phân tích đánh giá tình hình hiện nay của doanh nghiệp từ đó lựa chọn các phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả nhất cho doanh nghiệp, đồng thời cung cấp kịp thời các thông tin tài chính cho các bên liên quan

### **1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Để kế toán thực sự là công cụ sắc bén, đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý tình hình tiêu thụ hàng hóa của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

– Phản ánh các ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại

và giá trị

– Phản ánh và ghi chép đầy đủ kịp thời chính xác các khoản doanh thu các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp, đồng thời phải theo dõi thật chi tiết, cụ thể tình hình thanh toán của từng đối tượng khách hàng để thu hồi kịp thời vốn kinh doanh

– Phản ánh đầy đủ các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí hoạt động tài chính, cũng như các chi phí khác làm cơ sở xác định kết quả bán hàng

– Ngoài ra kế toán bán hàng còn nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và làm nghĩa vụ với Nhà nước, cung cấp thông tin cho việc lập báo cáo tài chính

#### **1.1.4. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp**

##### **❖ Phương thức bán hàng trực tiếp**

Theo phương thức này căn cứ vào hợp đồng mua bán được ký kết, bên mua cử cán bộ đến nhận hàng tại kho của doanh nghiệp. Khi nhận hàng xong người nhận hàng ký xác nhận vào hóa đơn bán hàng và hàng hóa đó được xác định là tiêu thụ

##### **❖ Bán hàng theo phương thức đại lý, ký gửi**

Theo phương thức này doanh nghiệp xuất kho thành phẩm, hàng hóa gửi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết giữa hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ, hàng gửi đi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán

##### **❖ Phương thức bán lẻ**

Theo phương thức này doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay

##### **❖ Phương thức bán hàng giao thẳng**

Phương pháp này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại. Theo phương thức này doanh nghiệp mua hàng của người cung cấp bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp, khi đó nghiệp vụ mua bán xảy ra

đồng thời

❖ Phương thức bán hàng trả góp

Theo phương thức này khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi chậm trả theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi chậm trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính

## **1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

### **1.2.1. Nội dung công tác kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu**

#### **1.2.1.1. Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTGT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTKT)
- Các chứng từ thanh toán ( phiếu thu, séc chuyển khoản, séc thanh toán, ủy nhiệm thu, giấy báo có, giấy báo nợ của ngân hàng...)
- Chứng từ liên quan khác: phiếu xuất kho, phiếu nhập kho hàng trả lại...
- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi
- Báo cáo bán hàng

#### **1.2.1.2. Tài khoản sử dụng**

❖ Tài khoản 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh trong một kỳ kế toán, bao gồm:

Hoạt động bán hàng: bán hàng hóa do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào, bán bất động sản đầu tư

Hoạt động cung cấp dịch vụ: thực hiện công việc đã thỏa thuận trong một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản cố định



Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511:

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ</li> <li>- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ</li> <li>- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ</li> <li>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán thực tế của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán</li> <li>- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh</li> </ul>	<p>Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán</p>
<p>Tổng số phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng số phát sinh Có</p>

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2:

TK5111: Doanh thu bán hàng hóa

TK5112: Doanh thu bán thành phẩm

TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK5117: Doanh thu bất động sản đầu tư

TK5118: Doanh thu khác

❖ Tài khoản 512: Doanh thu bán hàng nội bộ

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty. Tổng doanh thu tính theo giá bán nội bộ. Ngoài ra được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa xuất biếu tặng, xuất trả lương, thưởng, xuất dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh...

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 512:

Bên Nợ	Bên Có
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm trừ hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán</li> <li>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp của sản phẩm hàng hóa dịch vụ đã bán nội bộ</li> <li>- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ</li> <li>- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK911</li> </ul>	Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

TK 5121: Doanh thu bán hàng hóa

TK5122: Doanh thu bán thành phẩm

TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

❖ Tài khoản 521: Chiết khấu thương mại

Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng ( sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng)

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK521:

Bên Nợ	Bên Có
Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng	Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

TK521 không có số dư cuối kỳ và gồm 3 tài khoản cấp 2

TK5211: Chiết khấu hàng hóa

TK5212: Chiết khấu thành phẩm

TK5213: Chiết khấu dịch vụ

❖ Tài khoản 531: Hàng bán bị trả lại

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém hay mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách. Giá trị của hàng bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm, hàng hóa đã bán trong kỳ báo cáo

Chỉ phản ánh giá trị của số hàng đã bán bị trả lại ( tính theo đúng đơn giá bán ghi trong hóa đơn). Các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc hàng bán bị trả lại mà doanh nghiệp phải chi được phản ánh vào tài khoản 641

Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 531:

Bên Nợ	Bên Có
Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán	Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên nợ TK511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 532: Giảm giá hàng bán

Tài khoản này phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán. Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém hoặc mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế

Chỉ phản ánh vào tài khoản này các khoản giảm trừ do việc chấp thuận giảm giá sau khi đã bán hàng và phát hành hóa đơn ( giảm giá ngoài hóa đơn) do hàng bán mất hoặc kém phẩm chất...

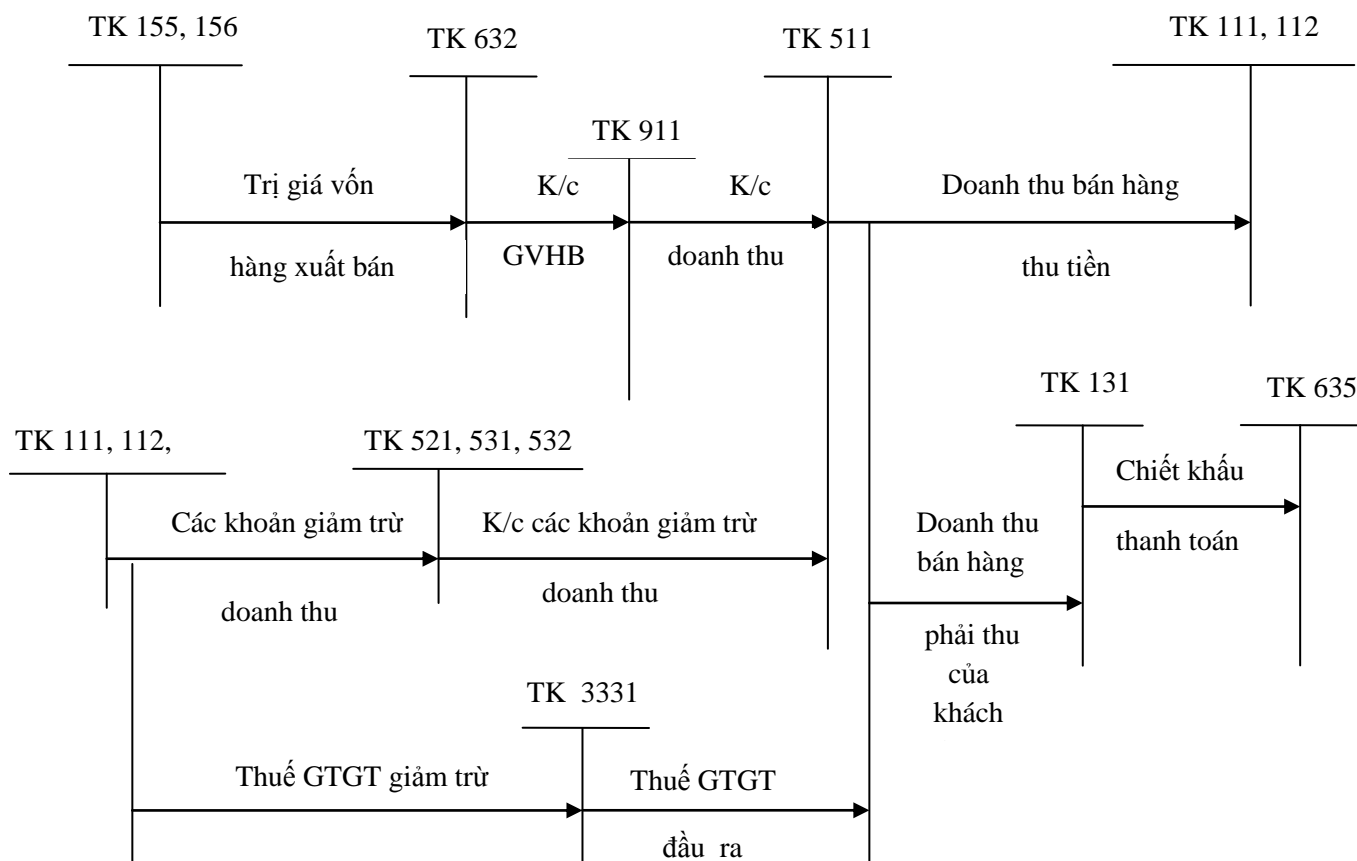
Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 532:

Bên Nợ	Bên Có
Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận cho người mua hàng do hàng kém hoặc mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế	Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang bên nợ TK511 hoặc 512 để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

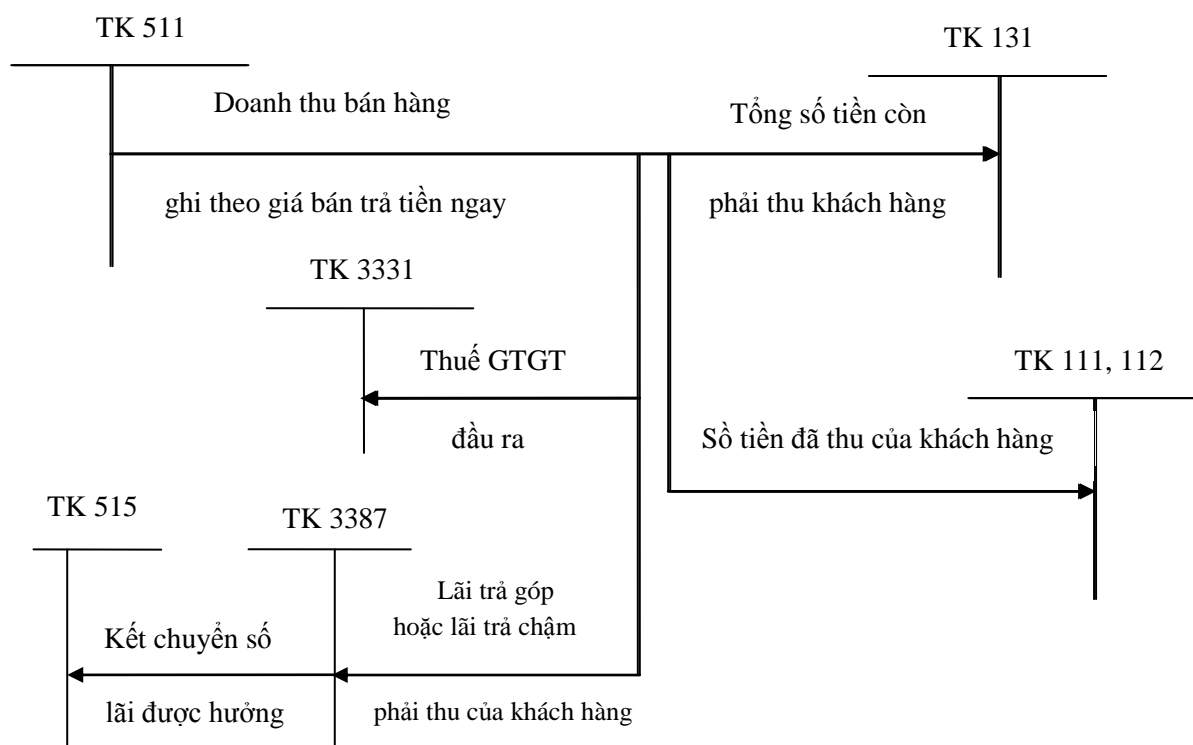
Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trực tiếp

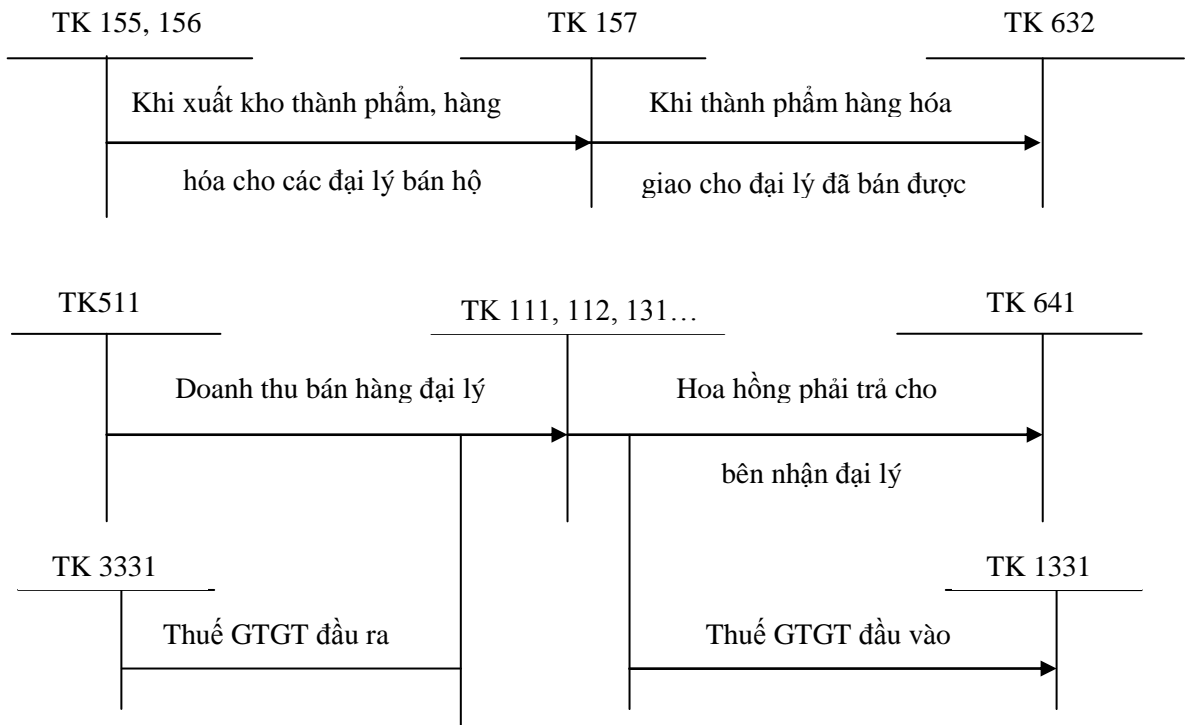


Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức trả góp, trả chậm

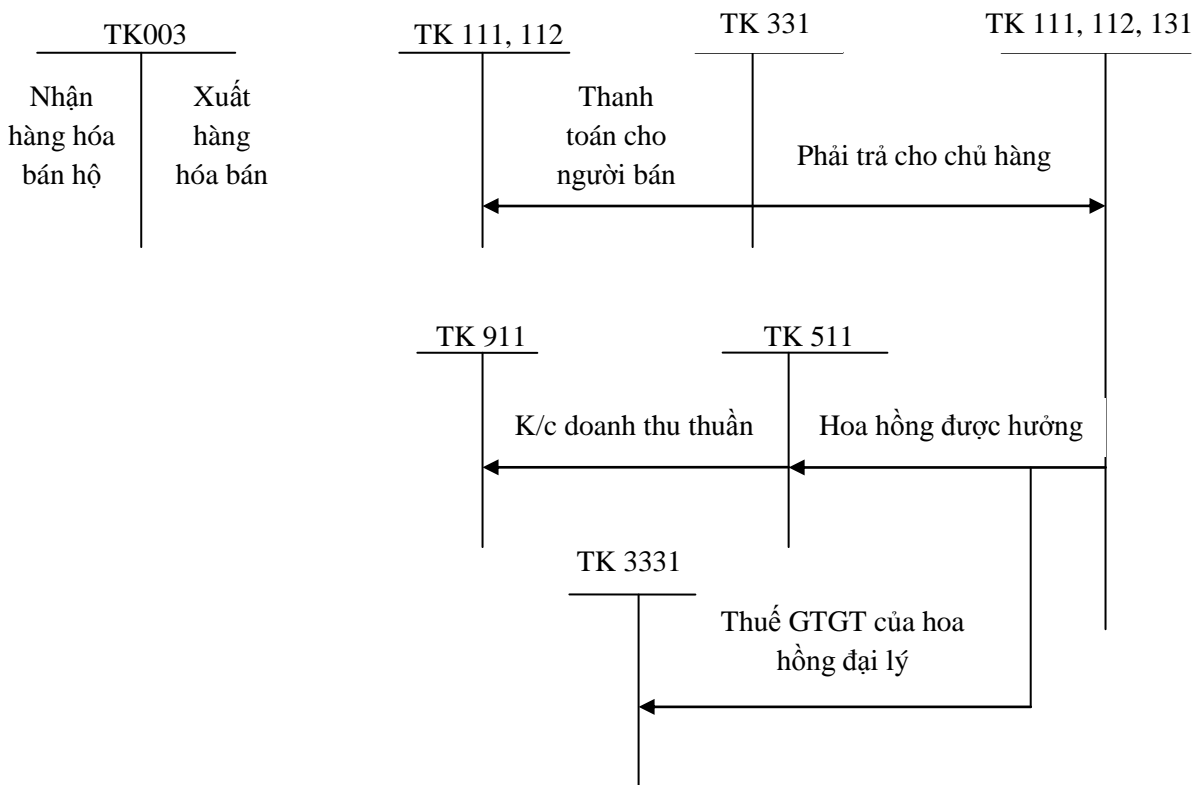


**Sơ đồ 1.3: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức đại lý bán đúng giá hưởng hoa hồng**

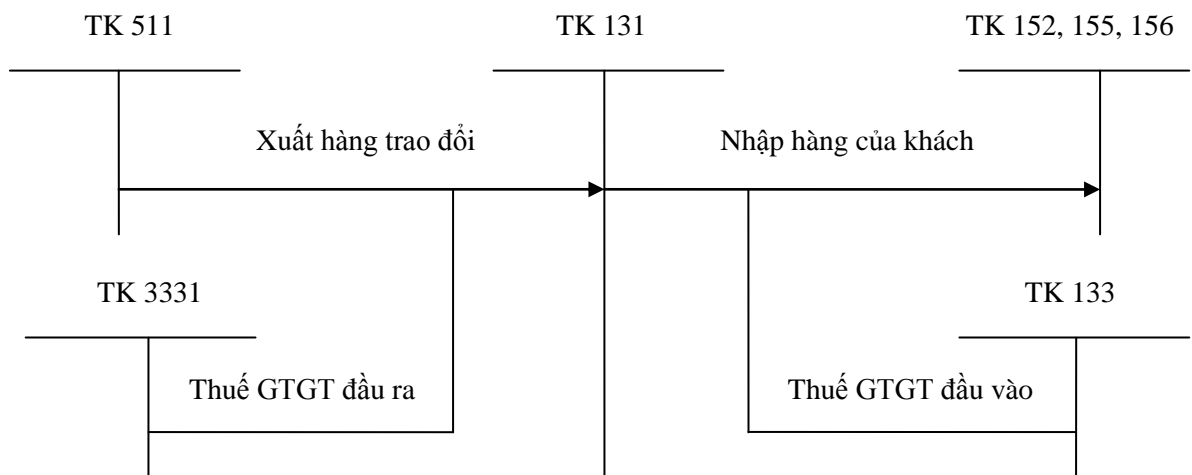
**Bên giao đại lý:**



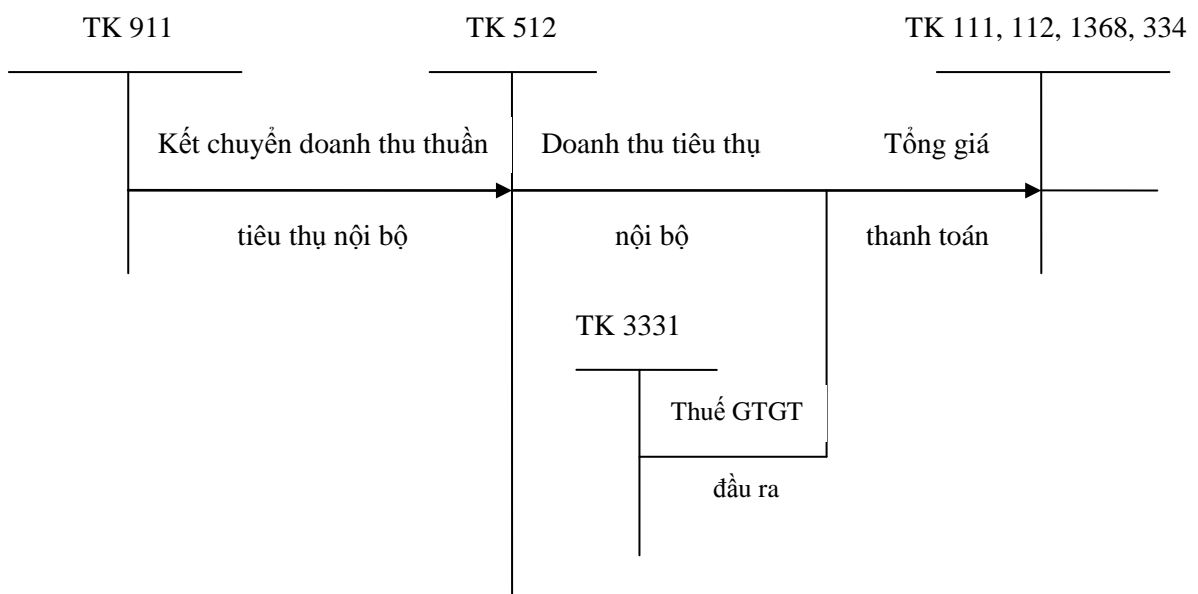
**Bên nhận đại lý:**



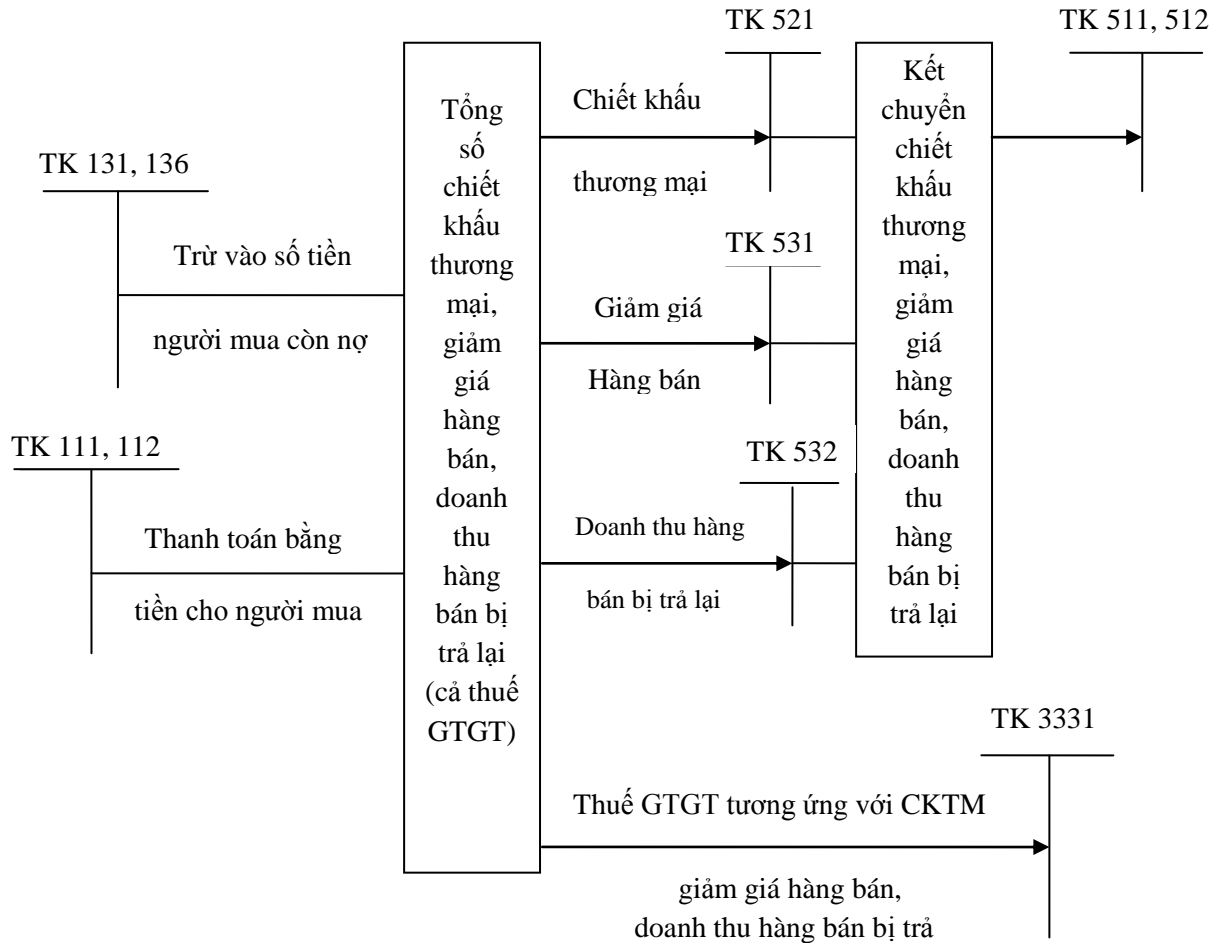
**Sơ đồ 1.4: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức hàng đổi hàng**



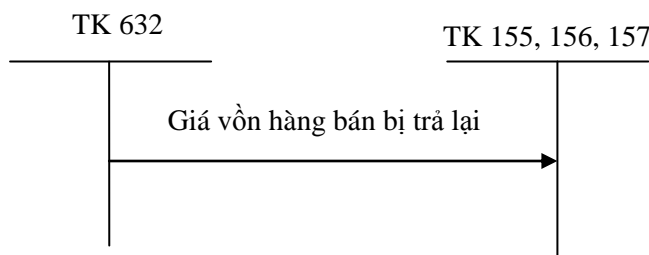
**Sơ đồ 1.5: Hạch toán doanh thu bán hàng theo phương thức tiêu thụ nội bộ**



**Sơ đồ 1.6: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu ( trong doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)**

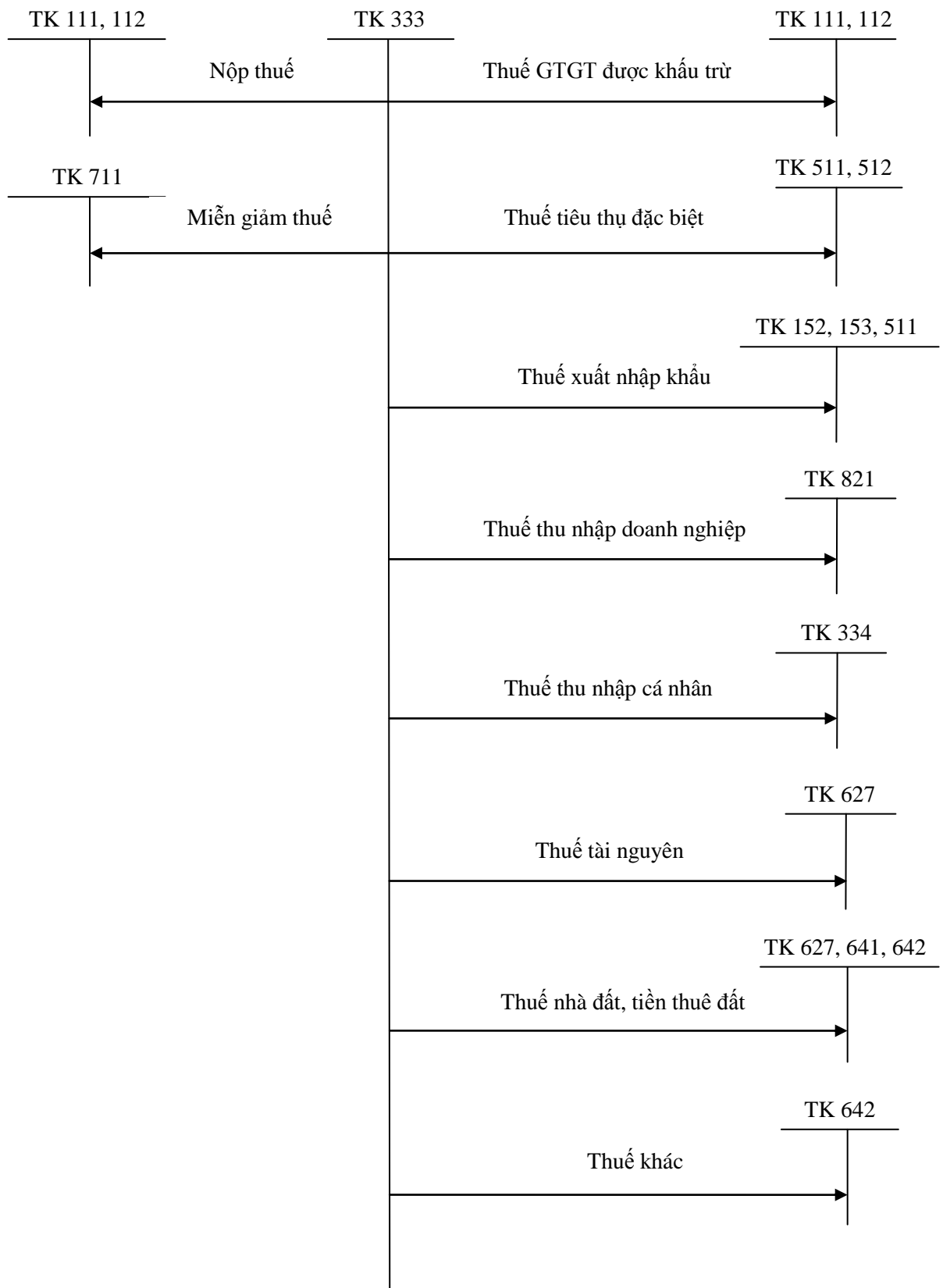


**Trường hợp hàng bán bị trả lại phản ánh thêm nghiệp vụ sau:**





**Sơ đồ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**



## **1.2.2. Nội dung công tác kế toán giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

### **1.2.2.1. Chứng từ sử dụng**

- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ
- Hóa đơn GTGT ( Mẫu số 01GTGT)
- Hóa đơn bán hàng (Mẫu số 01GTKT)
- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Giấy báo nợ tiền gửi ngân hàng

### **1.2.2.2. Tài khoản sử dụng**

❖ TK155 – Thành phẩm: Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình hiện có và tình hình biến động của các loại thành phẩm của doanh nghiệp

❖ TK156 – Hàng hóa: Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị hiện có và tình hình biến động của các loại hàng hóa của doanh nghiệp bao gồm hàng hóa tại kho, quầy hàng, hàng hóa bất động sản

TK156 có 3 tài khoản cấp 2

TK1561: Giá mua hàng hóa

TK1562: Chi phí thu mua hàng hóa

TK1567: Hàng hóa bất động sản

❖ TK157 – Hàng gửi bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá hàng hóa, thành phẩm đã gửi cho khách hàng hoặc nhờ bán đại lý, ký gửi hàng hóa sản phẩm chuyên cho các đơn vị cấp dưới hạch toán phụ thuộc để bán, trị giá dịch vụ đã hoàn thành, bàn giao cho người đặt hàng nhưng chưa được chấp nhận thanh toán. Tài khoản này được dùng cho tất cả các đơn vị sản xuất kinh doanh thuộc mọi lĩnh vực

❖ TK632 – Giá vốn hàng bán: Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp ( đối với doanh nghiệp xây lắp) bán ra trong kỳ

Ngoài ra tài khoản này còn phản ánh trị giá hàng hóa, sản phẩm đã được

gửi hoặc chuyển tới khách hàng nhờ bán đại lý, ký gửi nhưng chưa được chấp nhận thanh toán

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK632:

Bên Nợ	Bên Có
- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ - Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ - Các khoản hao hụt mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho - Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt mức bình thường không được phản ánh vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành	- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “ xác định kết quả kinh doanh” - Khoản này nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 641 - Chi phí bán hàng: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bán hàng sản phẩm, hàng hóa ( trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK641:

Bên Nợ	Bên Có
Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ	Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 để tính kết quả kinh doanh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ và được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí

- TK 6411: Chi phí nhân viên
- TK 6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK 6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415: Chi phí bảo hành
- TK 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418: Chi phí bằng tiền khác

❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp: Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp ( tiền lương, tiền lương, các khoản phụ cấp...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, các khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác...

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK642:

Bên Nợ	Bên Có
-Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ	-Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả
-Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	-Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK911 để xác định kết quả kinh doanh
-Dự phòng trợ cấp việc làm	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ được mở chi tiết theo từng nội dung chi phí:

- TK 6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK 6424: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425: Thuế, phí và lệ phí
- TK 6426: Chi phí dự phòng

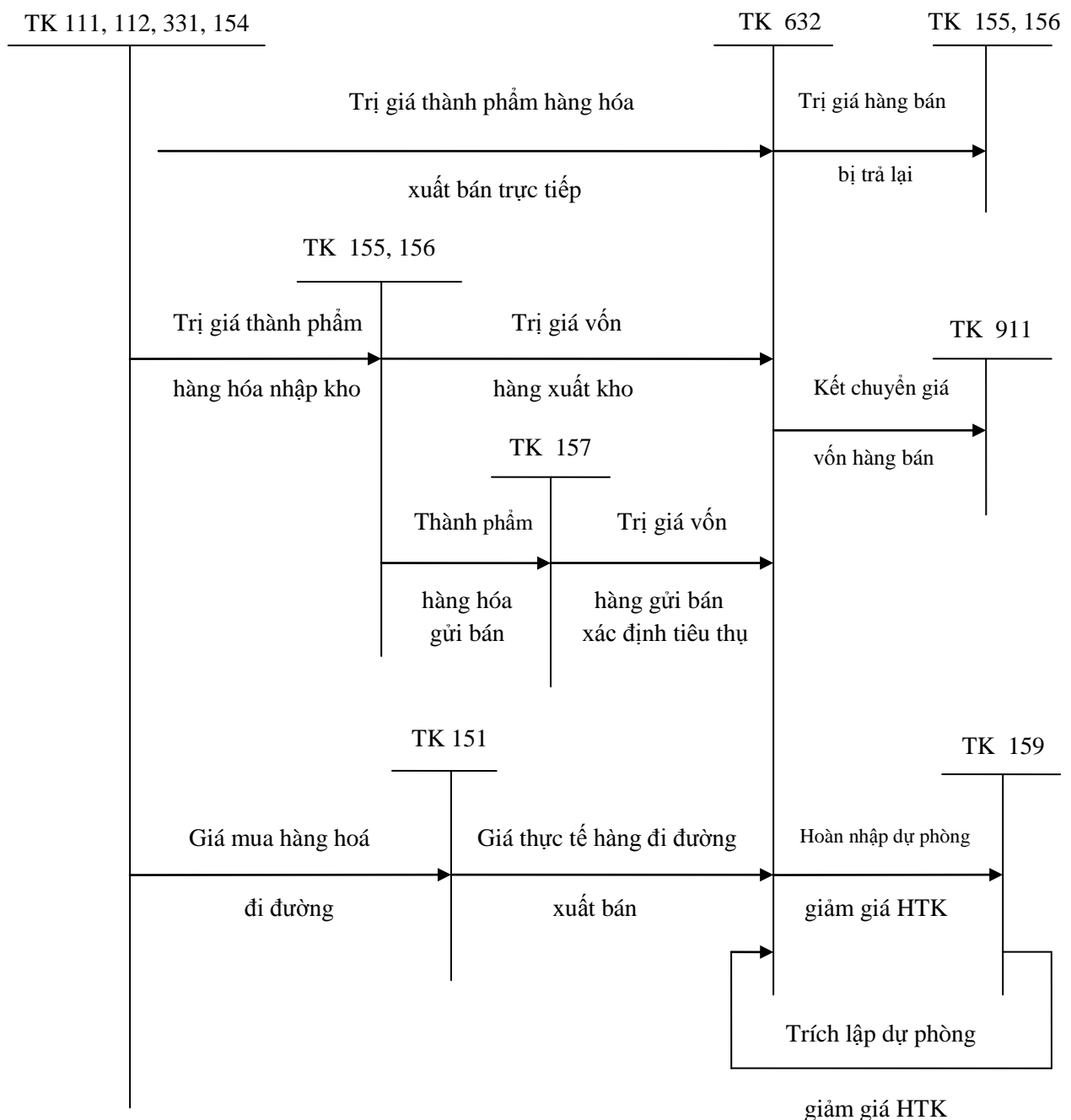
TK 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6428: Chi phí bằng tiền khác

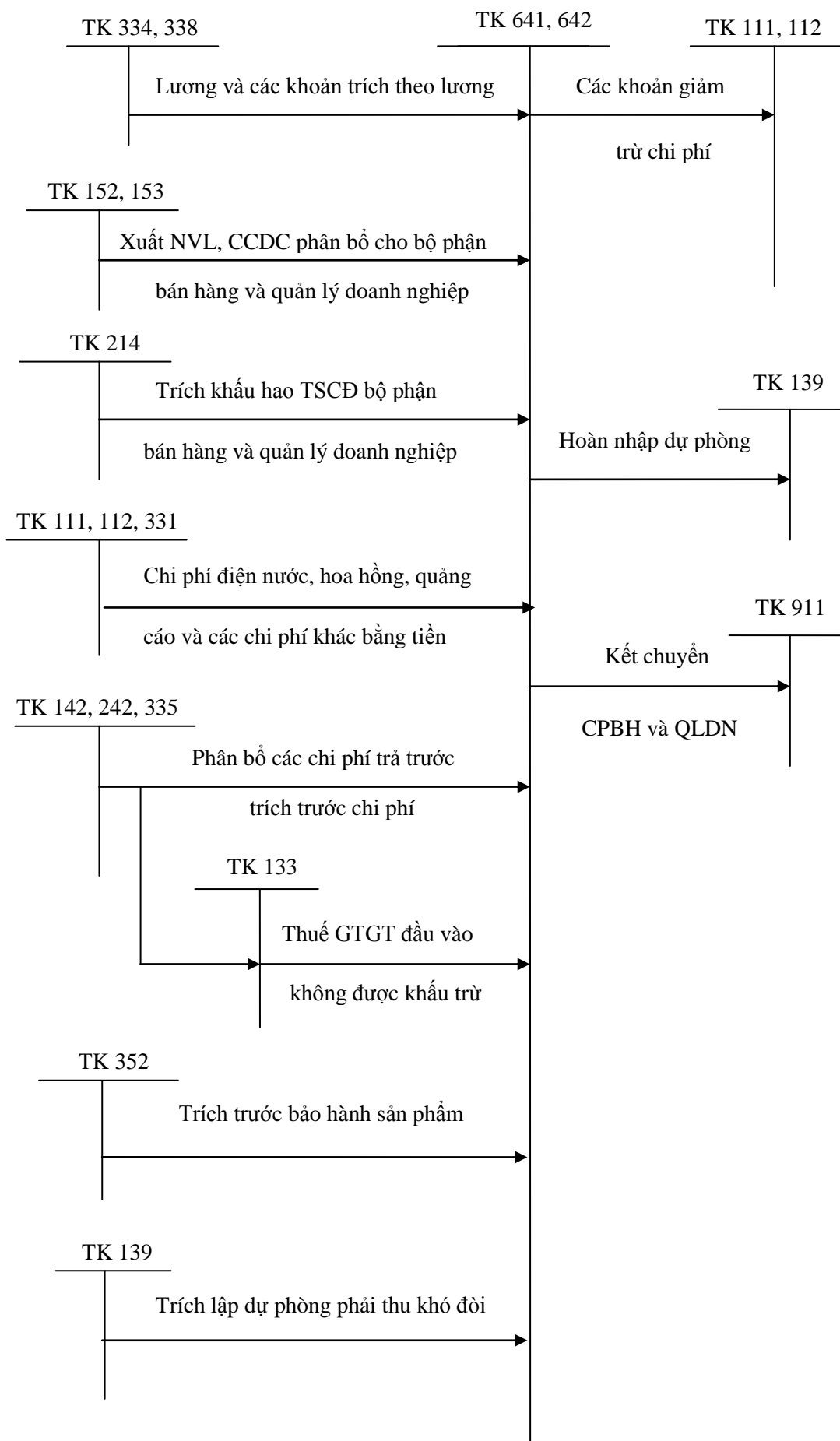
Chi phí quản lý doanh nghiệp tùy theo đặc điểm hạch toán kế toán của từng doanh nghiệp mà sẽ được phân bổ cho hàng bán ra theo một tỷ lệ nhất định để tập hợp nên giá thành toàn bộ của sản phẩm, thông thường người ta sử dụng các tiêu thức phân bổ như: phân bổ theo từng doanh số, phân bổ theo chi phí, phân bổ theo tiền lương

**1.2.2.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán**



**Sơ đồ 1.8: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**



### 1.2.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

Bảng theo dõi các khoản doanh thu tài chính và chi phí tài chính

#### 1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

❖ Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK515:

Bên Nợ	Bên Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp -Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang TK911 để xác định kết quả kinh doanh	-Tiền lãi cổ tức và lợi nhuận được chia -Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết -Chiết khấu thanh toán được hưởng -Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh -Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ -Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh -Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh
Cộng phát sinh Nợ	Cộng phát sinh Có

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 635: Chi phí hoạt động tài chính

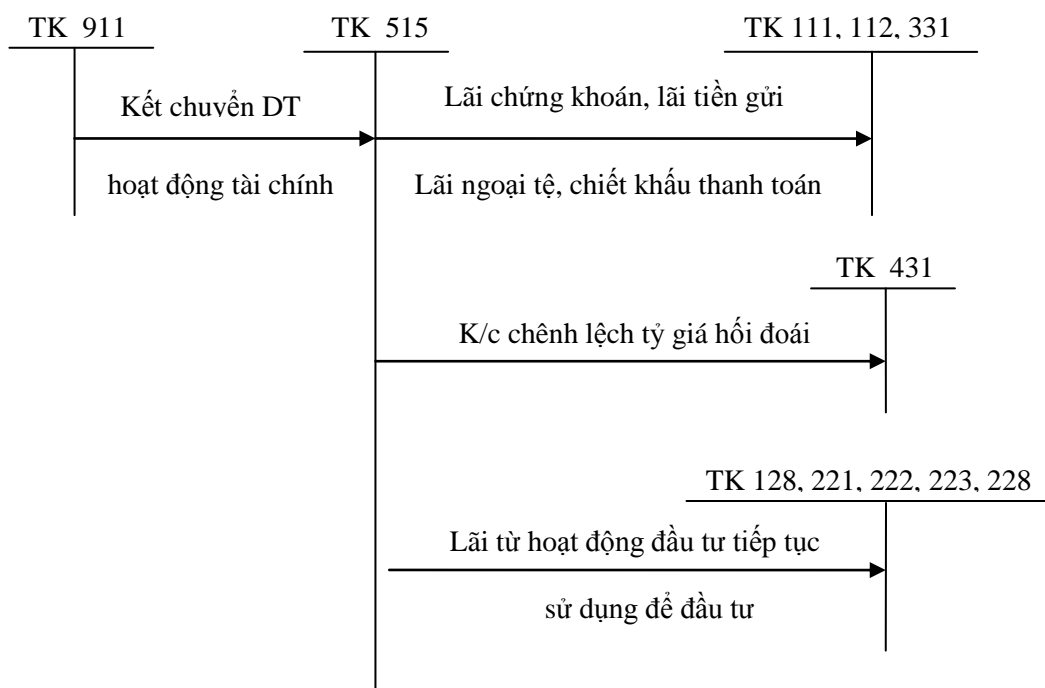
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK635:

Bên Nợ	Bên Có
-Chi phí tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính -Lỗ bán ngoại tệ -Chiết khấu thanh toán cho người mua -Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư -Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh -Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh -Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán -Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác	-Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán -Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

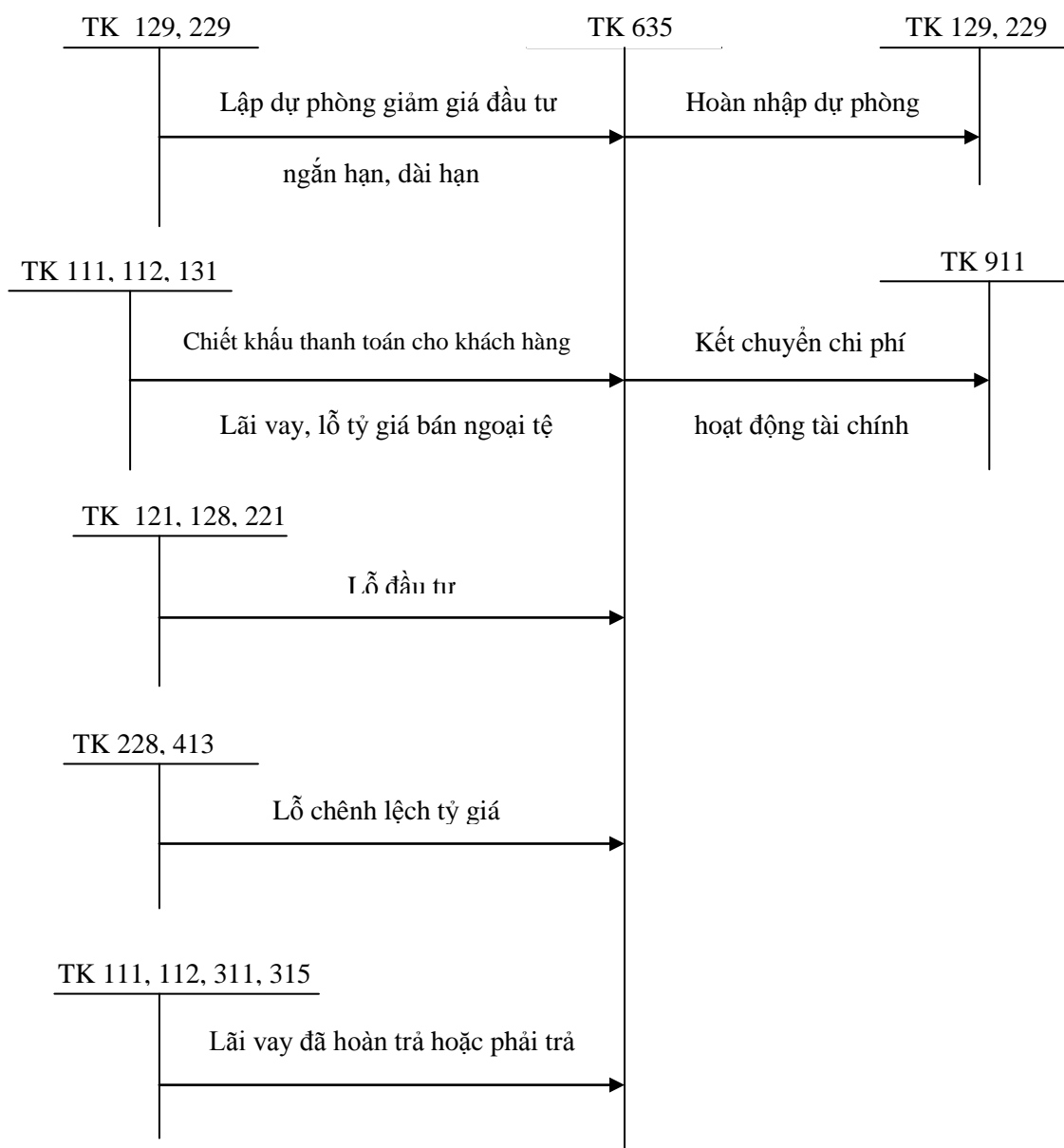
**1.2.3.3. Phương pháp hạch toán**

**Sơ đồ 1.9: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính**





**Sơ đồ 1.10: Sơ đồ hạch toán chi phí hoạt động tài chính**



**1.2.4. Nội dung công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác**

**1.2.4.1. Chứng từ sử dụng**

Sổ theo dõi các khoản thu nhập khác

Sổ theo dõi các khoản chi phí khác

**1.2.4.2. Tài khoản sử dụng**

❖ Tài khoản 711: Thu nhập khác

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK711:

Bên Nợ	Bên Có
-Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp -Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh	Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Tài khoản 811: Chi phí khác

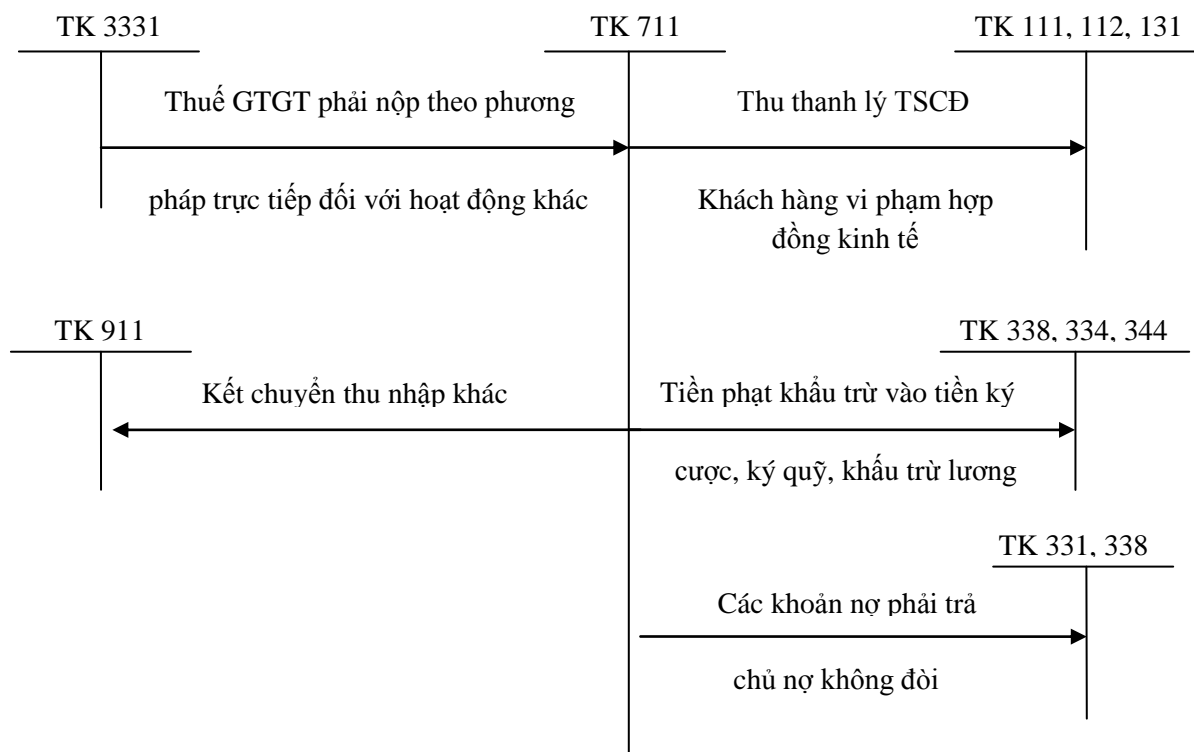
Kết cấu và nội dung phản ánh của TK811:

Bên Nợ	Bên Có
Các khoản chi phí khác phát sinh	Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

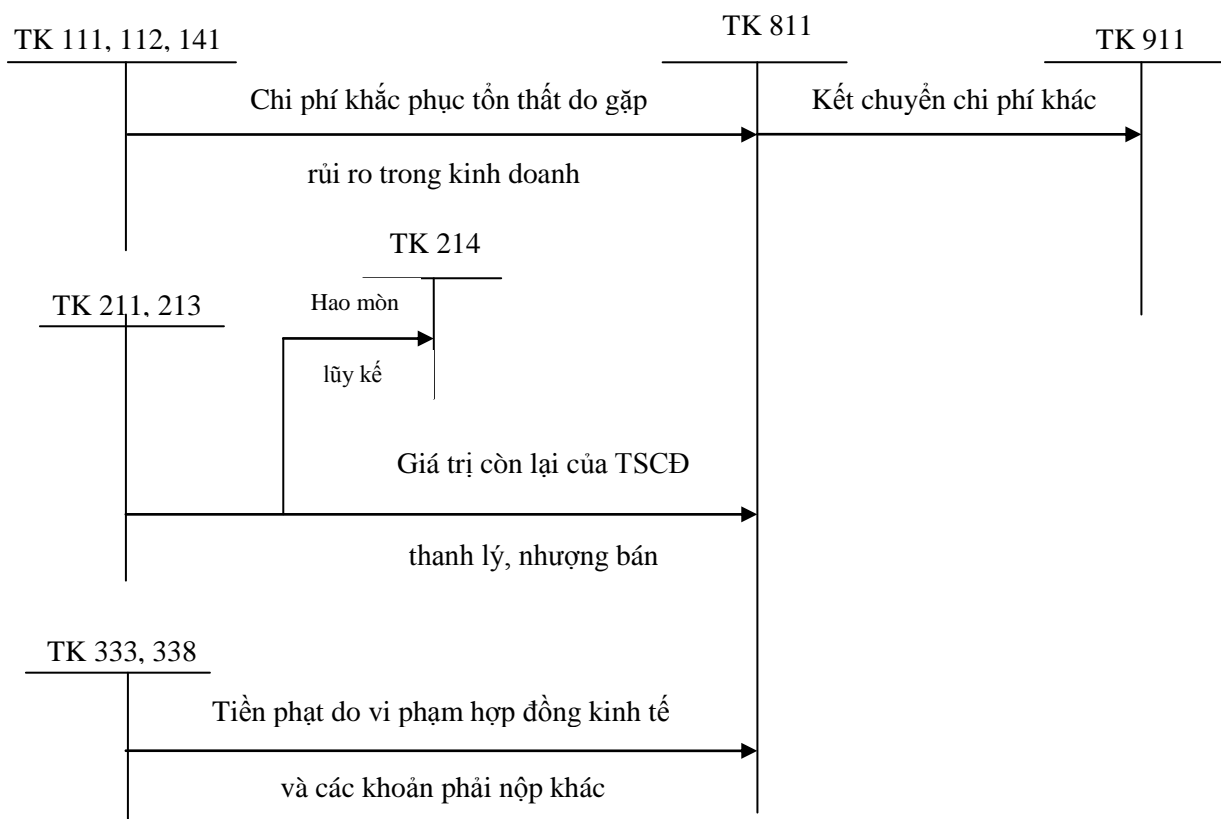
Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.11: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác



Sơ đồ 1.12: Sơ đồ hạch toán chi phí khác



### 1.2.5. Nội dung công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

#### 1.2.5.1. Tài khoản sử dụng

- ❖ Tài khoản 911: Xác định kết quả kinh doanh

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK911:

Bên Nợ	Bên Có
-Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ	-Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, dịch vụ bán ra trong kỳ
-Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác	-Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
-Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	
-Kết chuyển lãi	-Kết chuyển lỗ
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ

- ❖ Tài khoản 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 421:

Bên Nợ	Bên Có
-Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	-Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ
-Trích lập các quỹ của doanh nghiệp	-Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên cấp trên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù
-Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà cung cấp, các bên tham gia liên doanh	-Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh
-Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	
-Nộp lợi nhuận lên cấp trên	
Tổng số phát sinh Nợ	Tổng số phát sinh Có

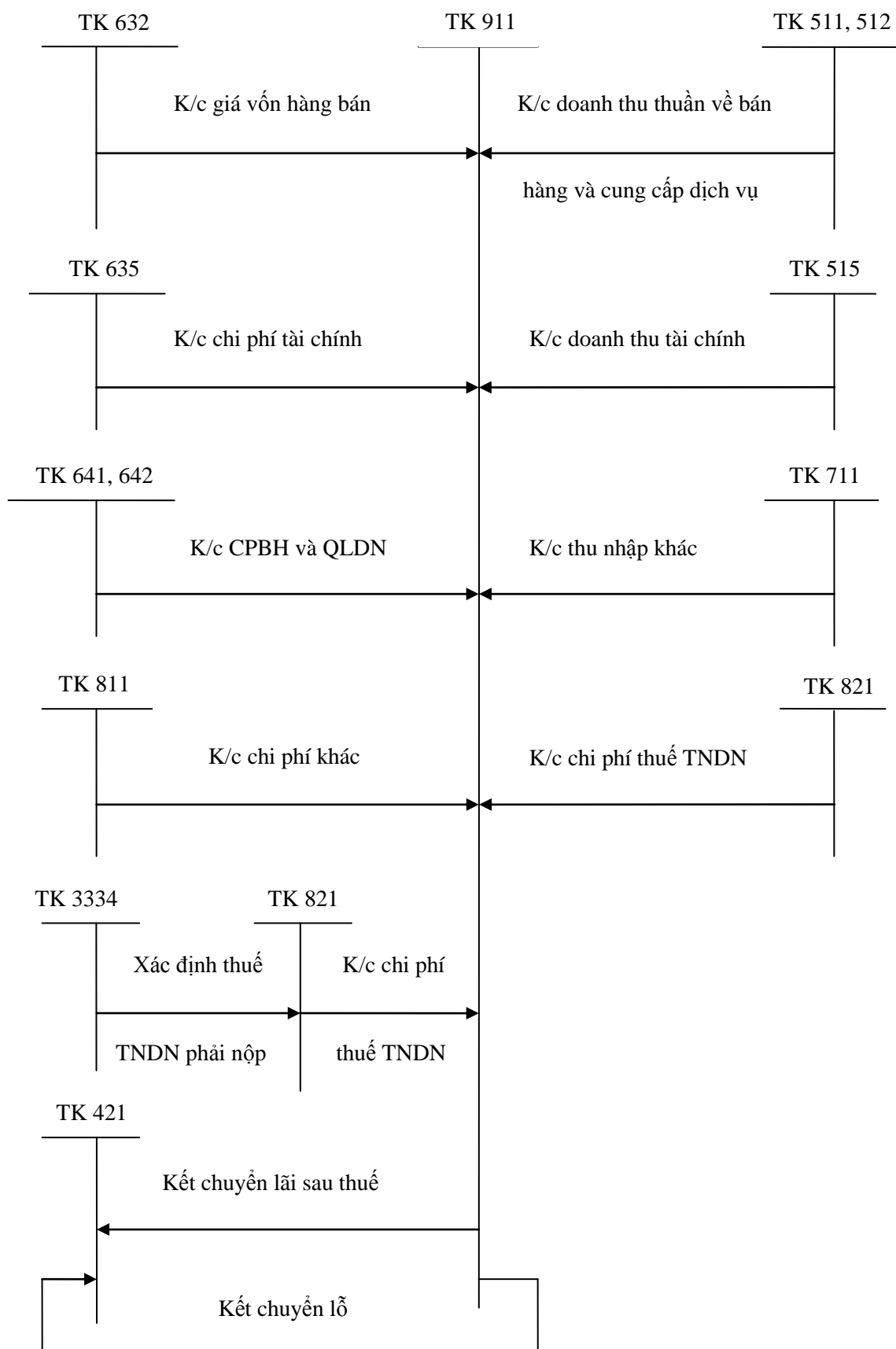
Tài khoản 421 có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có

Bên Nợ: số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý

Bên Có: số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng

1.2.5.2. Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh



### 1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

Sổ kế toán dùng để ghi chép, hệ thống và lưu trữ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo nội dung kinh tế và theo trình tự thời gian của doanh nghiệp. Dưới đây là các loại sổ kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

❖ Hệ thống sổ kế toán chi tiết

Để phục vụ yêu cầu về quản lý chi tiết doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh kế toán mở sổ chi tiết cho các tài khoản: 155, 156, 632, 511, 512, 531, 532, 911...

❖ Hệ thống sổ kế toán tổng hợp

Tùy theo hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng mà hệ thống sổ kế toán tổng hợp sẽ khác nhau

Đối với các doanh nghiệp áp dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ thì hệ thống sổ kế toán tổng hợp sử dụng để hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

Chứng từ ghi sổ

Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ

Sổ cái

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Các bảng tổng hợp chi tiết

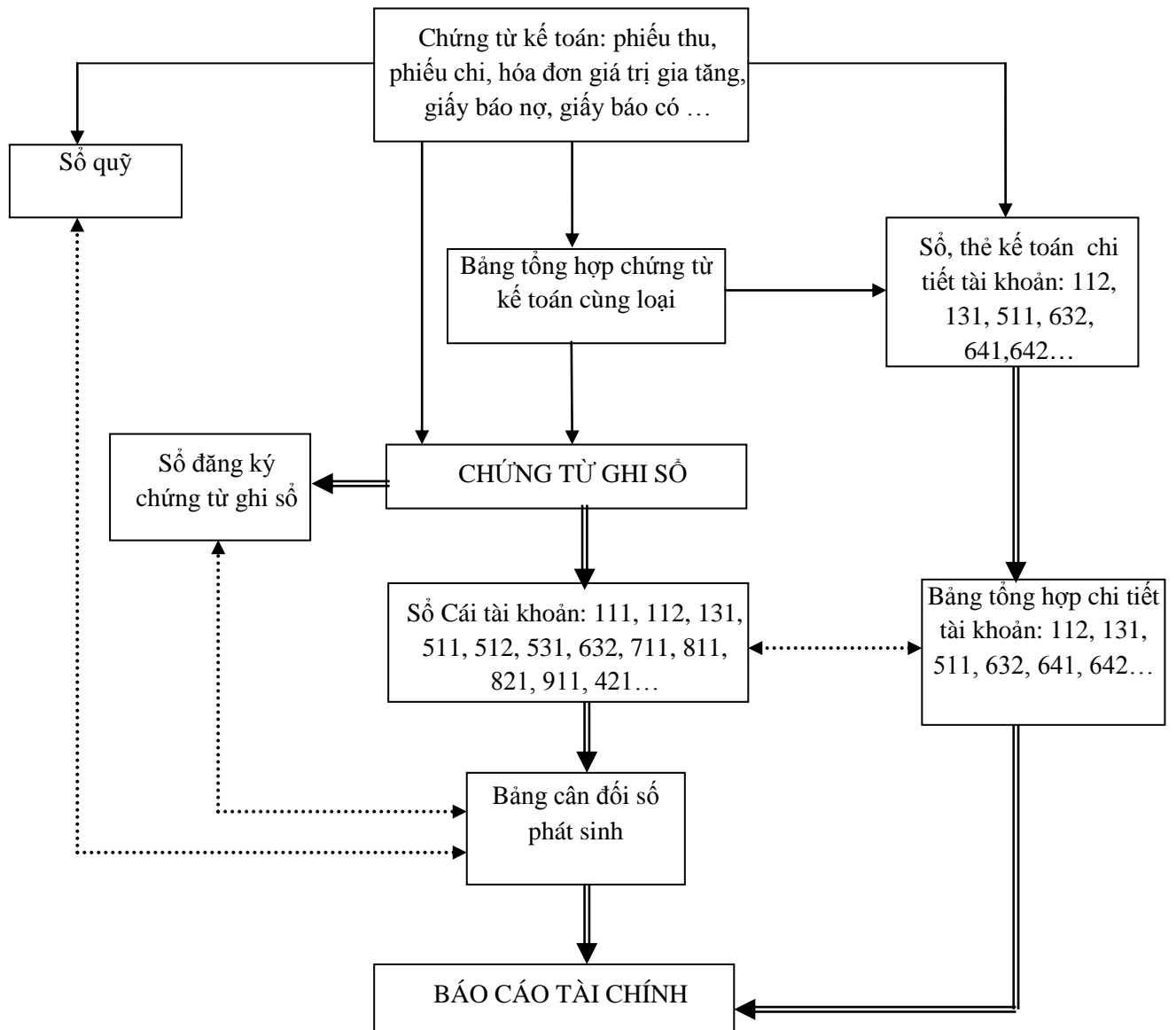
❖ Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ kế toán ghi sổ liệu vào sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ sẽ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan

Cuối tháng kế toán phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái kế toán lập bảng cân đối số phát sinh

Sau khi đối chiếu số liệu trên sổ cái với bảng tổng hợp chi tiết và bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo tài chính

**Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

**CHƯƠNG 2:****THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ  
PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN****2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN****2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty****2.1.1.1. Giới thiệu về Công ty**

Tên gọi: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Văn phòng công ty: Khu 2 – Phường Vạn Hương – Quận Đồ Sơn – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.583.264

Website: Dosontourist.com

Mã số thuế: 0200113875

**2.1.1.2. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển**

Hải Phòng có nhiều tiềm năng to lớn để phát triển du lịch trở thành nền kinh tế quan trọng với nguồn tài nguyên du lịch phong phú cả về tự nhiên lẫn văn nhân mà biểu hiện là bán đảo Đồ Sơn, hải đảo Cát Bà với các di tích lịch sử văn hoá. Hải Phòng thực sự là một trong những điểm du lịch hấp dẫn ở vùng du lịch Bắc Bộ góp phần to lớn trong chiến lược phát triển ngành du lịch Việt Nam.

Những thuận lợi đó tạo điều kiện cho sự ra đời của Công ty Khách sạn Du lịch Đồ Sơn được thành lập vào năm 1965 thuộc Công ty Du lịch Hải Phòng và trực thuộc Tổng cục Du lịch Việt Nam. Tháng 12 năm 1994 được sự đồng ý của Chính phủ và Tổng cục Du lịch Việt Nam công ty Du lịch Đồ Sơn tách ra khỏi Công ty du lịch Hải Phòng thành lập công ty riêng theo quyết định số 323/QĐ-TCDL ngày 21/12/1994, công ty Khách sạn Du lịch Đồ Sơn trực tiếp trực thuộc Tổng cục Du lịch Việt Nam. Sau khi được tách ra những năm đầu Công ty có được lợi thế độc quyền và khách hàng quen thuộc nên kinh doanh rất lãi. Tại thời điểm đó nhận thấy ngành du lịch phát triển mạnh nhiều người đã bắt đầu đầu tư vào lĩnh vực này có rất nhiều khách sạn được xây dựng với quy mô lớn và hiện đại hơn Công ty, sự cạnh tranh gay gắt của các khách sạn cùng khu



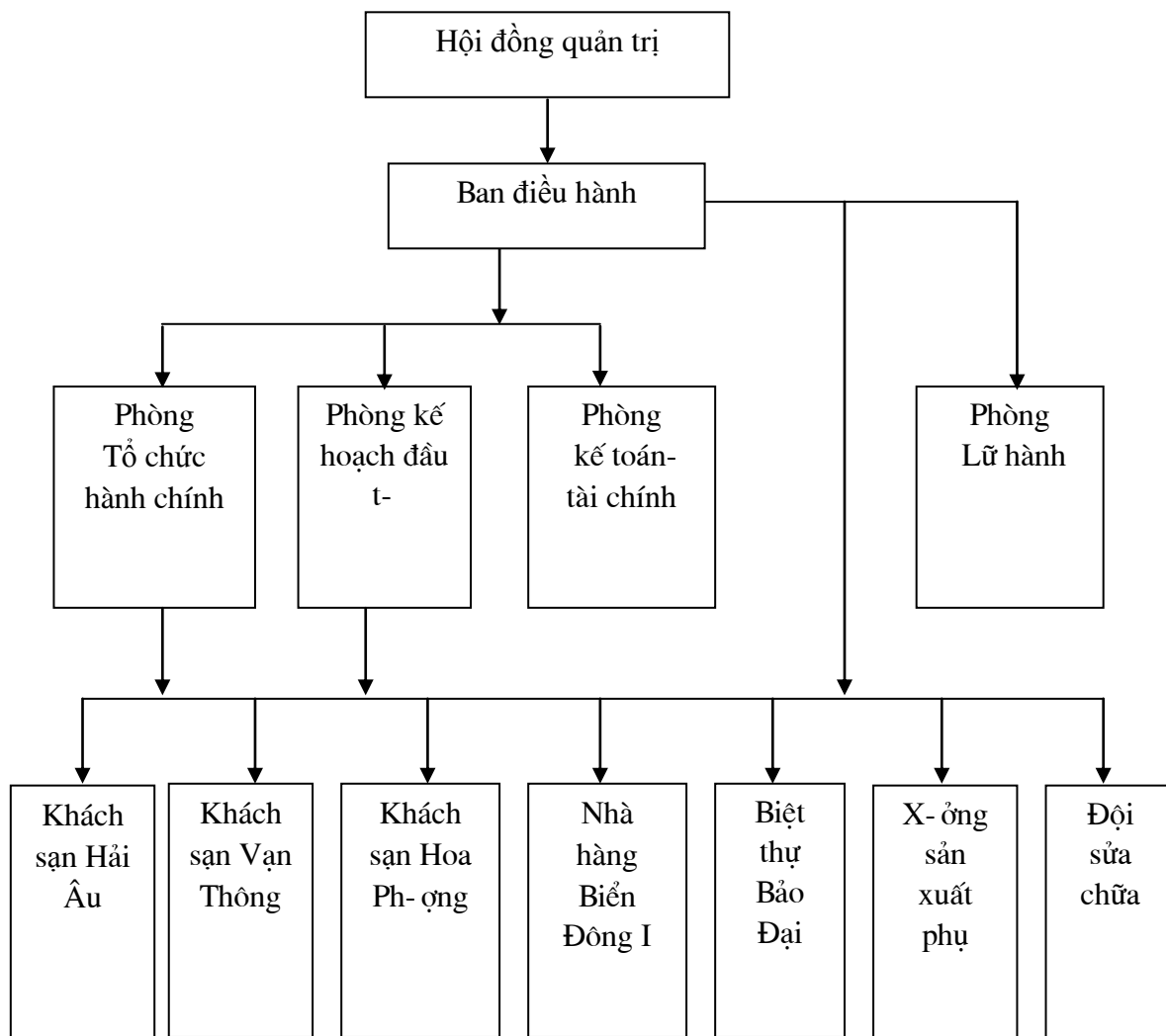
vực kết hợp với chi phí lãi vay đầu tư lớn, đặc biệt là công tác quản là công tác tổ chức cán bộ chưa hoàn thiện, trình độ chuyên môn của nhân viên không đồng đều công tác quản lý không đáp ứng được với sự biến động của cơ chế thị trường. Sau 14 năm việc kinh doanh của Công ty không hiệu quả tính đến thời điểm trước khi cổ phần hóa công ty thua lỗ hơn 10 tỷ đồng, trước tình hình đó Tổng cục Du lịch Việt Nam thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngày 19/06/2009 tiến hành cổ phần hóa Công ty khách sạn Du lịch Đồ Sơn trở thành Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn. Được sự ủng hộ nhiệt tình của Tổng cục Du lịch Việt Nam, Bộ Tài chính và các ban ngành có liên quan đã tạo điều kiện để Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn tiến hành ổn định từng bước, trước hết là công tác tổ chức, tăng cường và nâng cao trình độ chuyên môn của toàn bộ cán bộ công nhân viên, đẩy mạnh công tác thị trường, mở thêm một số loại hình kinh doanh mới trong thời kỳ chuyển đổi doanh nghiệp. Tuy mới chuyển hóa được gần 2 năm song việc kinh doanh của Công ty đã dần đi vào ổn định, hoạt động có hiệu quả hơn bắt đầu kinh doanh có lãi nâng cao thu nhập cho cán bộ công nhân viên

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty**

- ❖ Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty
  - Kinh doanh khách sạn ăn uống
  - Kinh doanh bán hàng l- u niệm
  - Kinh doanh lữ hành nội địa, h- ớng dẫn viên du lịch
  - Kinh doanh vật lý trị liệu( masage)
- ❖ Nhiệm vụ của Công ty
  - Kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký
  - Chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình
  - Hạ giá thành và nâng cao chất lượng dịch vụ
  - Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản khác đối với nhà nước

**Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**

**Sơ đồ 2.1: Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn**



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận :

❖ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty có quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định tại Điều lệ của Công ty.

❖ **Ban điều hành:**

– Tổng Giám đốc: Là người đại diện theo pháp luật của Công ty . Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty: chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

– Phó tổng giám đốc: Hỗ trợ cho Tổng giám đốc trong các lĩnh vực được

phân công. Số lượng, cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các Phó tổng Giám đốc sẽ được Tổng Giám đốc đệ trình hội đồng quản trị phê duyệt và bổ nhiệm

Xuất phát từ đặc điểm kinh doanh đa dạng hoá các loại hình dịch vụ, nên công tác kiểm tra, kiểm soát của doanh nghiệp được phân theo chức năng nhiệm vụ các phòng ban như sau:

❖ **Phòng Tổ chức hành chính:** Có 08 người: 01 trưởng phòng, 01 phó phòng và 06 nhân viên.

Chức năng, nhiệm vụ:

– Tổ chức, sắp xếp, tuyển dụng, đào tạo lao động, thực hiện chế độ chính sách tiền lương, giải quyết các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động.

– Phụ trách công tác đoàn thể, công đoàn, đoàn thanh niên, nữ công và công tác Đảng.

– Phụ trách bếp ăn tập thể để duy trì bữa ăn trưa cho cán bộ công nhân viên

❖ **Phòng kế hoạch đầu tư:** Gồm có 04 người, 01 trưởng phòng, 01 phó phòng và 02 nhân viên.

Chức năng, nhiệm vụ:

– Lập kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, xây dựng đề án phát triển kinh tế, tìm hiểu mở rộng thị trường, tìm các đối tác liên quan, liên kết nhằm mở rộng và phát triển các dịch vụ kinh doanh

– Thu thập các thông tin kinh tế, thống kê lập báo cáo theo trình tự quy định của Nhà nước.

– Phân tích kết quả kinh doanh, nghiên cứu đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao năng lực quản lý kinh doanh của Công ty.

– Quản lý và lập phương án sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản và cơ sở vật chất kinh doanh.

– Tham gia hoạch định chiến lược đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho mục tiêu phát triển kinh doanh, từ đó tham mưu cho ban giám đốc Công ty về các dự án đầu tư, thời gian đầu tư và khả năng sinh lời của việc đầu tư. Lập và quản lý dự án đầu tư theo trình tự pháp luật.

– Quản lý và lập phương án sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất kỹ thuật, tham gia phương án thiết kế, giám sát công trình xây dựng cơ bản.

– Chịu sự kiểm tra giám sát của các cơ quan chức năng về đầu tư xây dựng cơ bản, quy định của pháp luật, lưu trữ hồ sơ về đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty.

❖ **Phòng Kế toán tài chính:**

Gồm có 06 người, 01 trưởng phòng, 01 phó phòng và 04 nhân viên.

Chức năng, nhiệm vụ:

– Phản ánh ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh hàng ngày trên sổ kế toán đúng luật kế toán thống kê theo quy định của Nhà nước.

– Phân tích các hoạt động tài chính, báo cáo đề xuất các biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả.

– Quản lý tài chính, cung cấp các thông tin tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở lập kế hoạch dự án đầu tư tham mưu cho giám đốc về biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm.

– Lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp là cơ sở lập kế hoạch dự án đầu tư tham mưu cho giám đốc về biện pháp sử dụng vốn có hiệu quả, tiết kiệm.

– Lập báo cáo kết quả hoạt động tài chính của Công ty trình ban giám đốc phê duyệt và công khai hoá các số liệu khi được ban giám đốc uỷ quyền.

❖ **Phòng Lữ hành Thị trường:**

Gồm có 03 người, 02 trưởng phòng và 01 nhân viên.

Chức năng, nhiệm vụ:

- Xây dựng quảng cáo và kinh doanh các chương trình du lịch.

- Tổ chức kinh doanh các dịch vụ đưa đón khách tham quan, ăn nghỉ, phiên dịch chương trình.

- Tham mưu cho ban lãnh đạo Công ty về mục tiêu phát triển của thị trường khách, chiến lược kinh doanh trước mắt cũng như lâu dài. Tập trung nghiên cứu những sản phẩm du lịch đặc trưng của địa phương, vạch kế hoạch khai thác triệt để tiềm năng và thế mạnh đó vào kinh doanh du lịch.

❖ **Các cơ sở kinh doanh trong khách sạn:**

Gồm có Cụm Khách sạn Hải Âu, Khách sạn Vạn Thông, Khách sạn Hoa Phượng, Biệt thự Bảo Đại, Nhà hàng Biển Đông I: Gồm có 123 người, mỗi cơ sở có 01 giám đốc và phó giám đốc để quản lý.

Chức năng, nhiệm vụ :

– Tổ chức kinh doanh dịch vụ ăn, nghỉ, giải khát, bán hàng lưu niệm và các dịch vụ sinh hoạt vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch.

– Quản lý và sử dụng có hiệu quả tài sản và thiết bị kinh doanh. Mở rộng các loại hình kinh doanh dịch vụ hấp dẫn khách du lịch phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

– Đảm bảo an toàn về người và tài sản, giữ gìn vệ sinh môi trường, an ninh trật tự trong khu vực kinh doanh.

– Giá cả các dịch vụ được công khai đúng quy định của Công ty.

– Chịu sự kiểm tra kiểm soát của ban giám đốc Công ty, các phòng ban chức năng về toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác tổ chức lao động ở khách sạn, nhà hàng.

❖ **Đội sửa chữa:** Gồm có 06 người, 01 đội trưởng và 05 nhân viên.

Chức năng, nhiệm vụ:

– Tổ chức sửa chữa thường xuyên các cơ sở vật chất kỹ thuật của Công ty, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh. Cung cấp đầy đủ điện nước cho nhu cầu phục vụ kinh doanh.

– Xây dựng phương án sửa chữa thường xuyên bảo trì bảo dưỡng thiết bị, tham gia xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật chống thất thoát điện năng.

❖ **Xưởng giặt là - Cây cảnh:** Gồm có 08 người, 01 xưởng trưởng và 07 nhân viên.

Chức năng, nhiệm vụ:

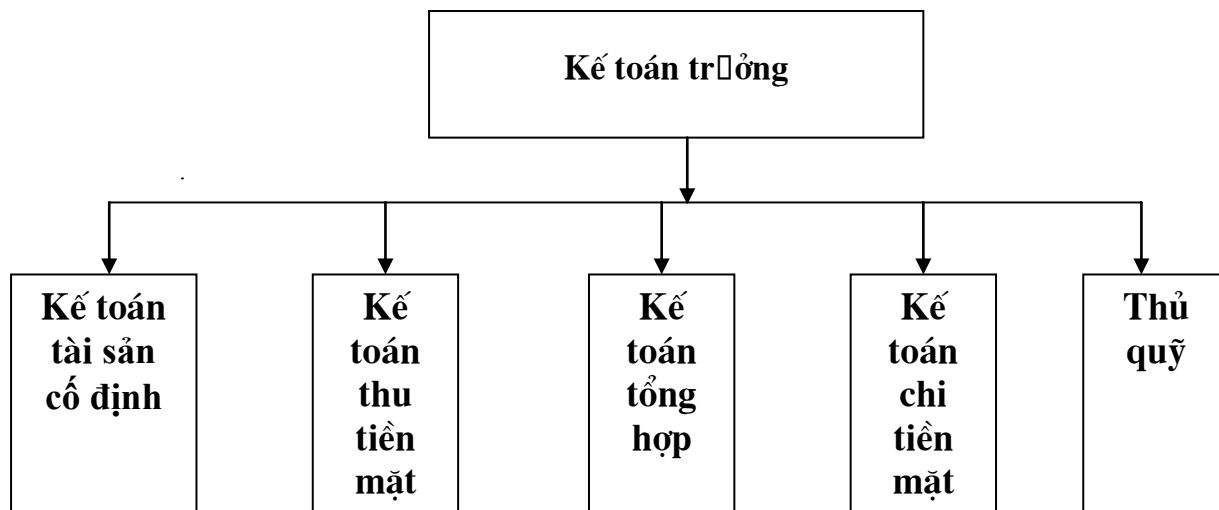
– Nhận giặt là các trang thiết bị của Công ty, khách sạn, nhà hàng theo yêu cầu sản xuất kinh doanh, nghiên cứu luôn luôn cải tiến quy trình kỹ thuật đảm bảo giặt nhanh, sạch.

– Với diện tích đất công ty quản lý rất rộng và là khu nghỉ mát của khách du lịch, đảm bảo phải có cây xanh bóng mát. Đội cây cảnh Công ty làm nhiệm vụ

chăm sóc cắt tỉa ươm cây, trồng cây cảnh đáp ứng nhu cầu kinh doanh và phục vụ khách hàng.

### 2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ bộ máy kế toán Công ty Cổ phần Du Lịch Đồ Sơn.



Hoạt động của bộ máy kế toán Công ty được tổ chức như sau:

#### ❖ **Kế toán trưởng:**

Là người có trách nhiệm điều hành mọi hoạt động chung của bộ máy kế toán trong Công ty, là người giúp giám đốc quản lý mọi hoạt động tài chính, chịu trách nhiệm trước giám đốc và cơ quan tài chính cấp trên về nghiệp vụ kế toán trong Công ty. Nắm bắt được tình hình hoạt động chung của phòng kế toán, theo dõi sát tình hình tài chính của Công ty

#### ❖ **Kế toán tổng hợp:**

Là người có nhiệm vụ tập hợp các số liệu phát sinh của các kế toán viên trong phòng kế toán, ghi vào sổ tổng hợp, sổ cái và lập bảng cân đối kế toán.

#### ❖ **Kế toán tài sản cố định:**

Là người có nhiệm vụ ghi chép phản ánh chính xác kịp thời số lượng, hiện trạng, giá trị tài sản hiện có, tình hình tăng giảm và di chuyển TSCĐ trong Công ty.

#### ❖ **Kế toán thu tiền mặt:**

Là người có nhiệm vụ thu toàn bộ các khoản về tài chính phát sinh trong đơn vị. Đồng thời cũng là người giao dịch trực tiếp với ngân hàng.

**❖ Kế toán chi tiền mặt:**

Căn cứ vào những chứng từ đã được giám đốc hoặc kế toán trưởng đồng ý, kế toán chi tiền hành chi các khoản chi hợp lý phát sinh trong doanh nghiệp.

**❖ Thủ quỹ:**

Là người có nhiệm vụ quản lý tiền mặt của Công ty, quản lý mọi quá trình thu chi bằng tiền của đơn vị.

**2.1.4. Tổ chức hình thức kế toán của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn****❖ Hình thức sổ kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán **CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ Cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào Sổ, Thẻ kế toán chi tiết có liên quan

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát sinh Nợ, Tổng số phát sinh Có và Số dư của từng tài khoản trên Sổ Cái. Căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng Cân đối số phát sinh

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng Tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

**❖ Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

**❖ Niên độ kế toán**

Năm tài chính của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**❖ Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép**

Đơn vị tiền tệ sử dụng để hạch toán là Đồng Việt Nam (VNĐ).

❖ Phương pháp kế toán hàng tồn kho

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

❖ Phương pháp tính giá xuất kho

Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước

❖ Phương pháp tính khấu hao

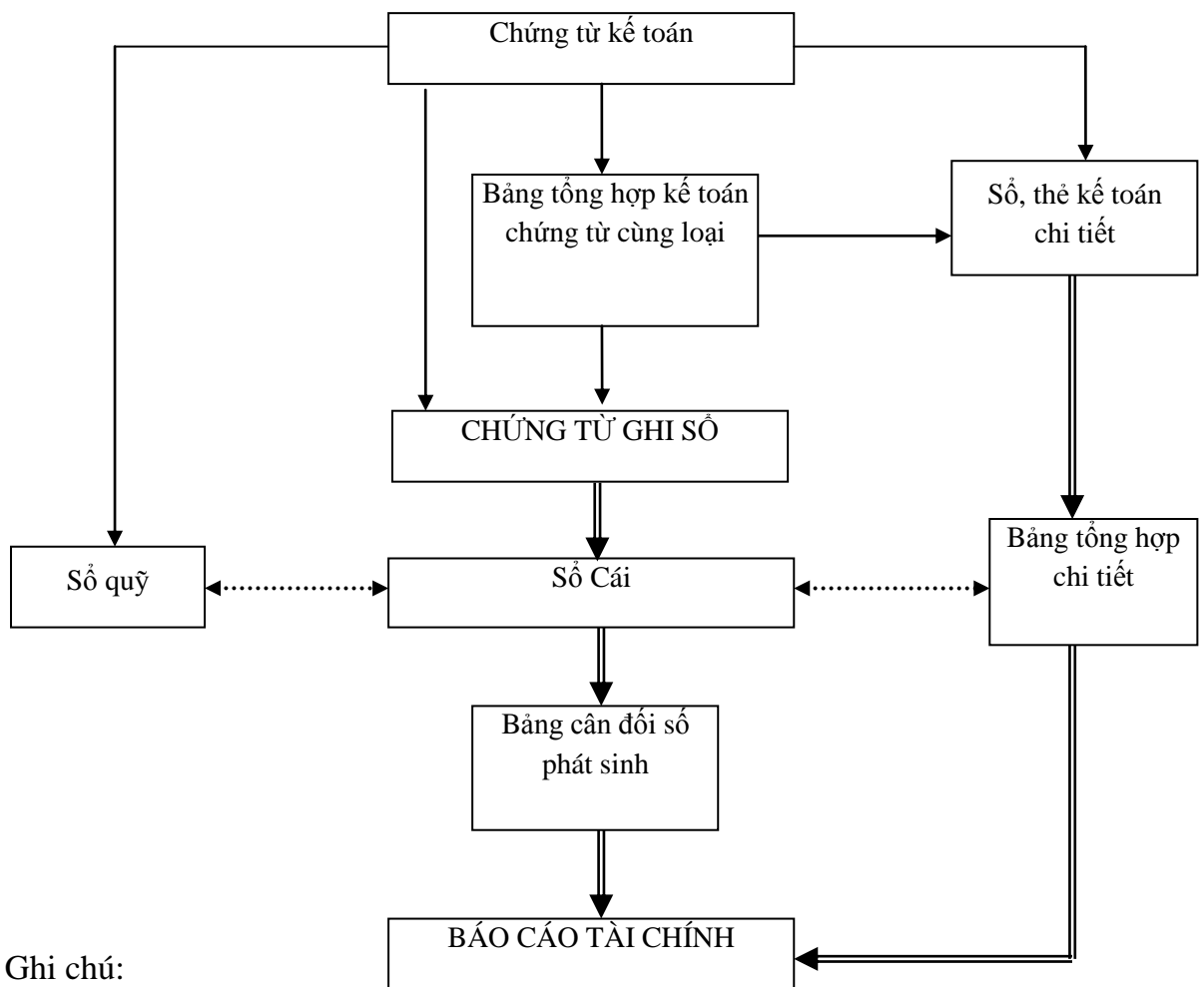
Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính

❖ Phương pháp kế toán thuế

Công ty tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ

❖ Trình tự ghi sổ kế toán của Công ty

**Sơ đồ 2.3 : Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra



## **2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN**

### **2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty là khoản thu được từ việc cung cấp các dịch vụ trong kỳ

#### **2.2.1.1. Các phương thức bán hàng của Công ty**

Do đặc điểm kinh doanh của công ty là cung cấp dịch vụ nên phương thức bán hàng của công ty bao gồm: phương thức bán hàng trực tiếp và phương thức bán hàng theo hợp đồng

Phương thức bán hàng trực tiếp: cung cấp trực tiếp dịch vụ cho người tiêu dùng

Phương thức bán hàng theo hợp đồng: hai bên mua và bán thỏa thuận với nhau theo các hợp đồng đã ký kết giữa hai bên

#### **2.2.1.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng**

##### **❖ Chứng từ sử dụng**

Công ty là một doanh nghiệp thuộc đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế, do đó chứng từ gốc được công ty chủ yếu sử dụng trong kế toán doanh thu bán hàng là hóa đơn giá trị gia tăng

Ngoài ra chứng từ kế toán bán hàng còn có phiếu thu, ủy nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng

##### **❖ Tài khoản sử dụng**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Trong đó:

TK 51131: Doanh thu khách sạn Vạn Thông

TK 51132: Doanh thu khách sạn Hải Âu

TK 51133: Doanh thu khu Biệt thự

TK 51134: Doanh thu khách sạn Hoa Phượng

TK 51135: Doanh thu nhà hàng Biển Đông

TK 51136: Doanh thu vận chuyển

TK 51137: Doanh thu cho thuê điếm

TK 51137: Doanh thu điện, nước

TK 3331: Thuế giá trị gia tăng đầu ra

TK 131: Phải thu khách hàng

TK 111: Tiền mặt

TK 112: Tiền gửi ngân hàng

### 2.2.1.3. Quy trình hạch toán

Kế toán ghi chép phản ánh một cách đầy đủ chính xác kịp thời tình hình bán hàng và cung cấp dịch vụ về mặt số lượng giá trị theo tổng số từng mặt hàng

Khi công ty cung cấp các dịch vụ kế toán lập hóa đơn GTGT do bộ tài chính phát hành, hóa đơn này kế toán lập cho khách hàng trên cơ sở tổng số các dịch vụ phát sinh, các hợp đồng mua bán với đầy đủ chữ ký của người viết, kế toán trưởng và thủ trưởng đơn vị

Tính toán chính xác tổng giá trị thanh toán của dịch vụ gồm: doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng loại dịch vụ, từng hóa đơn

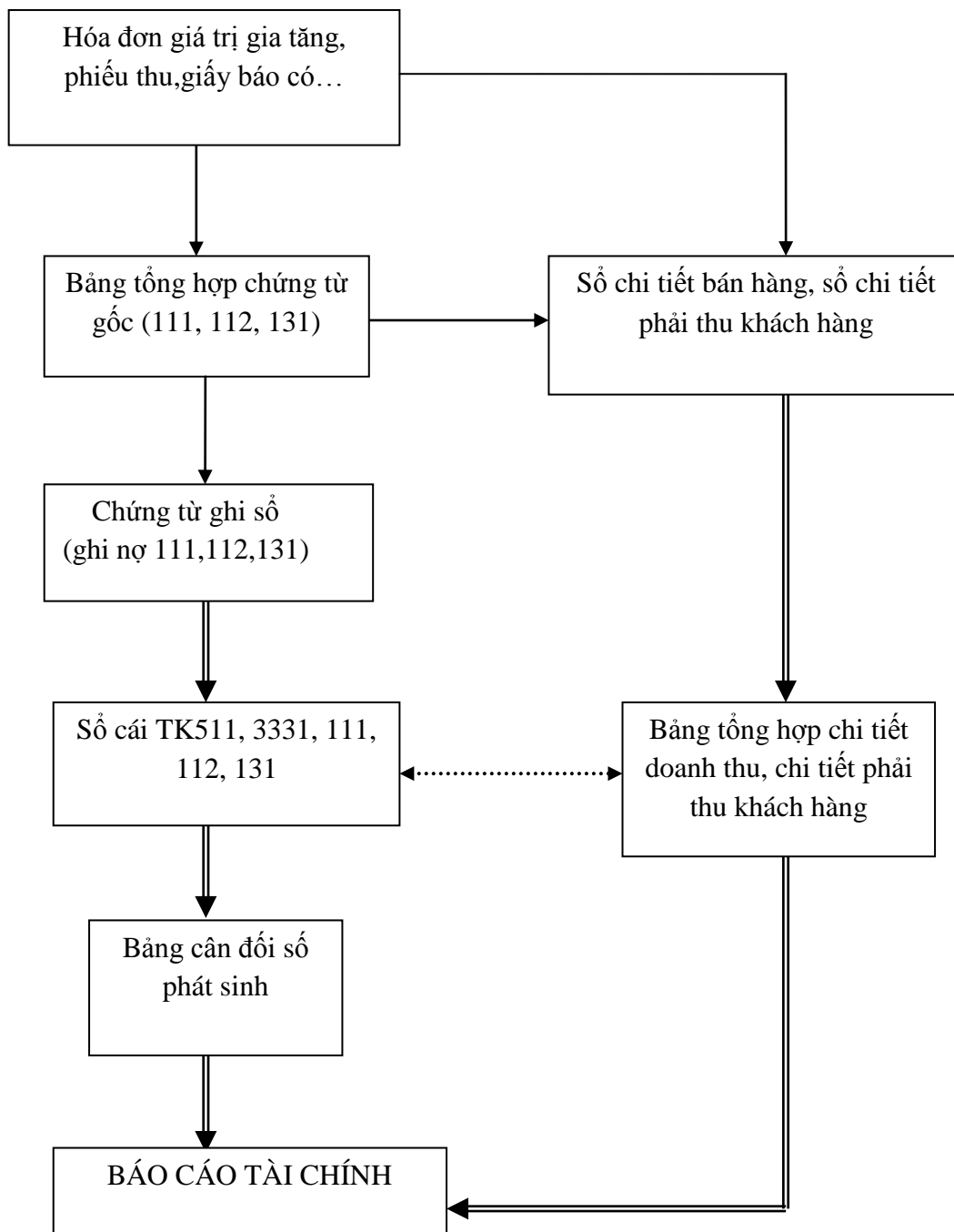
Khi bán hàng thì hình thức thanh toán do hai bên thỏa thuận, nếu thanh toán ngay thì kế toán lập phiếu thu, nếu thanh toán bằng chuyển khoản thì lập ủy nhiệm thu, ngoài ra những khách hàng quen thuộc của công ty có thể chấp nhận bán chịu

Cơ sở để ghi vào chứng từ ghi sổ là hóa đơn giá trị gia tăng, phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng hoặc bảng tổng hợp các chứng từ cùng loại. Cuối kỳ kế toán căn cứ vào chứng từ ghi sổ để phản ánh vào sổ cái tài khoản 511, nếu có các khoản giảm trừ liên quan đến nghiệp vụ bán hàng như thuế tiêu thụ đặc biệt, hoa hồng dẫn khách kế toán sẽ tính doanh thu thuần theo công thức :

$$\text{Doanh thu thuần} = \text{Tổng doanh thu} - \text{Các khoản giảm trừ}$$

**Sơ đồ 2.4: Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng tại Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng
- ←.....> Đối chiếu, kiểm tra

Ví dụ cụ thể một số nghiệp vụ phát sinh tháng 12 năm 2010

Ngày 05/12/2010 khách hàng Bùi Thu Phương thuê 4 phòng nghỉ tại khách sạn Hải Âu với số tiền là 1.950.000 đồng (chưa bao gồm VAT 10%). Khách hàng đã thanh toán bằng tiền mặt

Kê toán định khoản:

Nợ TK1111: 1.980.000

Có TK511: 1.800.000

Có TK3331: 180.000

Ngày 13/12/2010 đoàn Đại học ngoại ngữ tham quan Biệt thự Bảo Đại mua 25 quyển sách chuyện nội cung các vua triều Nguyễn với giá 23.000 đồng/quyển và 15 quyển chuyện 9 chúa 13 vua với giá 21.000 đồng/ quyển ( giá trên chưa bao gồm VAT 10%) , khách hàng thanh toán bằng tiền mặt

Kê toán định khoản:

Nợ TK 1111: 726.000

Có TK 511: 660.000

Có TK 3331: 66.000

Ngày 12/12/2010 Công ty Vinashin thuê 10 phòng nghỉ khách sạn Hải Âu với giá 450.000 đồng/phòng (giá trên chưa bao gồm VAT 10%), thanh toán bằng chuyển khoản

Nợ TK 112: 4.500.000

Có TK 511: 450.000

Có TK 3331: 4.950.000

Ngày 10/12/2010 đoàn Bảo Việt thuê 8 phòng nghỉ tại khách sạn Hoa Phượng với giá 300.000 đồng / phòng (chưa bao gồm VAT 10%). Khách hàng chưa thanh toán

Kê toán định khoản

Nợ TK 131: 2.400.000

Có TK 511: 240.000

Có TK 3331: 2.640.000

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT\_3LL

GE/2010B

0030198

Liên 3: Nội bộ

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Địa chỉ: Khu 2 - Vạn Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng

Số TK:

Điện thoại: MST: 0200113875

Họ và tên người mua hàng: Bùi Thu Phương

Tên đơn vị: Khách lẻ

Địa chỉ:

Số TK:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:

Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phòng nghỉ		4	450.000	1.800.000

Cộng tiền hàng : 1.800.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tổng tiền thuế GTGT: 180.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 1.980.000

Số tiền viết bằng chữ: Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số 01\_TT

(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Số 1339

Nợ TK1111: 1.980.000

Có TK511: 1.800.000

Có TK3331: 180.000

Họ và tên người nộp tiền: *Nguyễn Thị Nam*

Địa chỉ: *Khách sạn Hải Âu*

Lý do thu: *Nộp tiền doanh thu phòng nghỉ*

Số tiền: *1.980.000 đồng (Viết bằng chữ): Một triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng chẵn*

Chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 05 tháng 12 năm 2010

Giám đốc  
(ký, họ tên)

KT trưởng  
(ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Người nộp tiền  
(ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(ký, họ tên)

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT\_3LL

BF/2010B

0009810

Liên 3: Nội bộ

Ngày 13 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Địa chỉ: Khu 2 - Vạn Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng

Số TK:

Điện thoại: MST: 0200113875

Họ và tên người mua hàng: Võ Hoàng Việt

Tên đơn vị: Đại học ngoại ngữ

Địa chỉ: Số 1 Phạm Văn Đồng – Cầu Giấy – Hà Nội

Số TK:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:

Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Chuyện nội cung các vua triều Nguyễn	Quyển	15	23.000	345.000
Chuyện 9 chúa 13 vua	Quyển	15	21.000	315.000

Cộng tiền hàng: 660.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tổng tiền thuế GTGT: 66.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 726.000

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

(ký, họ tên)

Người bán hàng

(ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số 01\_TT**

*(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU THU**

Ngày 13 tháng 12 năm 2010

Số 1375

Nợ TK1111: 726.000

Có TK511: 660.000

Có TK3331: 66.000

Họ và tên người nộp tiền: *Nguyễn Thu Hà*

Địa chỉ: *Biệt thự Bảo Đại*

Lý do thu: *Nộp doanh thu hàng sách*

Số tiền: : *726.000 đồng (Viết bằng chữ): Bảy trăm hai sáu nghìn đồng chẵn*

Chứng từ kèm theo: *01 chứng từ gốc*

Ngày 13 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

KT trưởng

Người lập phiếu

Người nộp tiền

Thủ quỹ

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*



**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT\_3LL

GE/2010B

0030213

Liên 3: Nội bộ

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Địa chỉ: Khu 2 - Vạn Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng

Số TK: 102010000205814

Điện thoại:

MST: 0200113875

Họ và tên người mua hàng: Vũ Tuấn Hùng

Tên đơn vị: Công ty Vinashin

Địa chỉ: Số 20 Hồ Xuân Hương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Số TK: 102010000160194

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

MST: 0200112145

Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phòng nghỉ		10	450.000	4.500.000

Cộng tiền hàng: 4.500.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tổng tiền thuế GTGT: 450.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 4.950.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

**Ngân hàng Công thương Việt Nam**

**GIẤY BÁO CÓ**

Số 237

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: *Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

Hôm nay chúng tôi thông báo đã ghi Có vào tài khoản có của Quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: *102010000205814*

Số tiền bằng số: *4.950.000*

Số tiền bằng chữ: *Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*

Nội dung: *Công ty Vinashin thanh toán tiền phòng nghỉ*

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**BIÊN NHẬN NỢ**

Số 125

Hôm nay ngày 05 tháng 12 năm 2010 tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Tôi tên là Phạm Tiến Sơn

Số CMND: 031884217

Địa chỉ: Phòng hành chính tổng hợp – Công ty Bảo Việt Hải Phòng

Số 24 Điện Biên Phủ - Quận Ngô Quyền - Hải Phòng

Tôi đại diện công ty thuê 8 phòng nghỉ tại khách sạn Hoa Phượng của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn với số tiền là 2.640.000 đồng (đã bao gồm VAT 10%)

Công ty tôi cam kết sẽ thanh toán trước ngày 05/01/2011 nếu không thực hiện đúng những gì đã ghi trong giấy biên nhận này chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường những thiệt hại đã gây ra cho công ty do việc thanh toán chậm

Đại diện bên bán hàng

(ký, họ tên)

Người mua hàng

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**

Ghi nợ TK 111

Tháng 12 năm 2010

(Từ 01/12/2010 đến 15/12/2010)

Chứng từ		Diễn giải	ghi nợ TK 111, ghi có TK khác				
SH	NT		511	3331	112	...	Σ Nợ 111
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PT 1331</b>	02/12	Rút tiền gửi ngân hàng			40.000.000		40.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PT 1339</b>	05/12	Khách lẻ thuê phòng Hải Âu	1.800.000	180.000			1.980.000
...	...	...	...	...	...		
<b>PT 1359</b>	10/12	Cho thuê xe hợp đồng	1.700.000	170.000			1.870.000
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PT 1375</b>	13/12	Thu tiền bán sách Bảo Đại	660.000	66.000			726.000
...	...	...	...	...	...		...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>404.366.520</b>	<b>40.436.652</b>	<b>108.650.000</b>	<b>...</b>	<b>781.228.310</b>

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**

Ghi nợ TK 112

Tháng 12 năm 2010

(Từ 01/12/2010 đến 15/12/2010)

Chứng từ		Diễn giải	ghi nợ TK 112, ghi có TK khác				
SH	NT		511	3331	131	...	Σ Nợ 112
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>HD 30189</b>	03/12	Đoàn Colgate thanh toán hội nghị trọn gói	24.447.500	2.444.750			26.892.250
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>HD 30201</b>	07/12	Công ty Hồng Uyên chuyển trả tiền	—	—	13.300.000		13.300.000
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>HD 30213</b>	12/12	Công ty Vinashin thanh toán	4.500.000	450.000			4.950.000
...	...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>332.061.330</b>	<b>33.206.133</b>	<b>52.118.500</b>	<b>...</b>	<b>518.661.501</b>

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**

Ghi nợ TK 131

Tháng 12 năm 2010

(Từ 01/12/2010 đến 15/12/2010)

Chứng từ		Diễn giải	ghi nợ TK 131, ghi có TK khác		Σ Nợ 131
SH	NT		511	3331	
...	...	...	...	...	...
<b>BNN 121</b>	02/12	Đoàn Môi trường xanh thuê phòng nghỉ Hải Âu	6.750.000	675.000	7.425.000
...	...	...	...	...	...
<b>BNN 125</b>	10/12	Công ty Bảo Việt thuê phòng Hoa Phượng	2.400.000	240.000	2.640.000
...	...	...	...	...	...
<b>BNN 128</b>	12/12	Đoàn than Quang Hanh thuê phòng Biệt thự	11.000.000	1.100.000	12.100.000
...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>103.752.020</b>	<b>10.375.202</b>	<b>114.127.222</b>

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02a-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 01/12

Ngày 15/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tổng hợp thu tiền mặt từ 01/12 đến 15/12	111	511	404.366.520	
	111	3331	40.436.652	
	111	112	108.650.000	
	...	...	...	...
<b>Cộng</b>			<b>781.228.310</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 03/12

Ngày 15/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tổng hợp thu tiền gửi ngân hàng từ 01/12 đến 15/12	112	511	332.061.330	
	112	3331	33.206.133	
	112	131	52.118.500	
	...	...	...	...
<b>Cộng</b>			<b>518.661.501</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 05/12

Ngày 15/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tổng hợp phải thu khách hàng từ 01/12 đến 15/12	131	511	103.752.020	
	131	3331	10.375.202	
<b>Cộng</b>			<b>114.127.222</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)



Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu TK: 511

Ngày tháng GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh trong tháng			
15/12	01/12	15/12	Doanh thu bằng tiền mặt	111		404.366.520
15/12	01/12	15/12	Doanh thu bằng tiền gửi ngân hàng	112		332.061.330
15/12	01/12	15/12	Doanh thu khách hàng chưa thanh toán	131		103.752.020
...	...	...	...	...	...	...
31/12	31/12	31/12	Các khoản giảm trừ doanh thu	3332	2.568.000	
31/12	32/12	31/12	Kết chuyển doanh thu	911	1.477.729.174	
			<b>Cộng phát sinh</b>		1.480.297.174	1.480.297.174
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S35-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên dịch vụ: Phòng nghỉ (khách sạn Hải Âu)

Năm 2010

Quyển số 12

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
SH	NT			SL	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (521,...)
...	...	...	...	...	...	...	...	...
PT1339	05/10	Khách lẻ	111	4	450.000	1.800.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
GBC 237	13/12	Cty Vinashin	112	10	450.000	4.500.000		...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
PT1393	20/10	Cty Việt Minh	111	5	450.000	2.250.000		...
...	...	...	...	...	...	...	...	...
PT1422	28/10	Khách lẻ	111	2	450.000	900.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng phát sinh</b>				<b>154.800.000</b>		

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần**  
**Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S31-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA**

Tài khoản: 131

Đối tượng: Công ty Bảo Việt

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Số dư đầu tháng 12</b>				-	-
			<b>Số phát sinh tháng</b>					
10/12	BNN 125	10/12	Đoàn Bảo Việt	511	2.400.000		2.400.000	
				3331	240.000		240.000	
			<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>				2.640.000	
			<b>Dư cuối tháng</b>				<b>2.640.000</b>	

Sổ này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

❖ Trong tháng 12/2010 Công ty có phát sinh doanh thu của hoạt động dịch vụ massage đây là loại hình dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 30%

Ví dụ ngày 15/12/2010 khách hàng Phạm Thu Thủy đặt 5 suất massage tại khách sạn Hải Âu với giá 104.000 đồng/suất (chưa bao gồm VAT 10%), khách hàng thanh toán bằng tiền mặt

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT\_3LL

GE/2010B

0030220

Liên 3: Nội bộ

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Địa chỉ: Khu 2 - Vạn Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng

Số TK:

Điện thoại: MST: 0200113875

Họ và tên người mua hàng: Phạm Thu Thủy

Tên đơn vị: Khách lẻ

Địa chỉ:

Số TK:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt MST:

Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Dịch vụ massage	Suất	5	104.000	520.000
<hr/>				
<hr/>				

Cộng tiền hàng : 520.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tổng tiền thuế GTGT: 52.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 572.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số 01\_TT  
(Ban hành theo QĐ số:15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU THU**

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số 1381

Họ và tên người nộp tiền: *Trần Thị Ngọc*

Nợ TK1111: 572.000

Địa chỉ: *Khách sạn Hải Âu*

Có TK511: 520.000

Lý do thu: *Nộp tiền doanh thu massage*

Có TK3331: 52.000

Số tiền: *572.000 đồng*

(Viết bằng chữ): *Năm trăm bảy mươi hai nghìn đồng chẵn*

Chứng từ kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Giám đốc  
(ký, họ tên)

KT trưởng  
(ký, họ tên)

Người lập phiếu  
(ký, họ tên)

Người nộp tiền  
(ký, họ tên)

Thủ quỹ  
(ký, họ tên)

Với thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt 30%, số thuế tiêu thụ đặc biệt công ty phải nộp ở nghiệp vụ này là:  $(520.000 / 130\%) * 30\% = 120.000$  đồng

Kế toán định khoản:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 111: 572.000

Có TK 511: 520.000

Có TK 3331: 52.000

Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt:

Nợ TK 511: 120.000

Có TK 3332: 120.000

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**PHIẾU KẾ TOÁN (số 13)**

Thuế tiêu thụ đặc biệt dịch vụ massage ngày 15/12

Chi tiêu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Thuế tiêu thụ đặc biệt dịch vụ massage ngày 15/12	511	3332	<b>120.000</b>

Ngày 15/12/2010

Người lập

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

### BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC

Ghi nợ TK 511

Tháng 12 năm 2010

(Từ 01/12/2010 đến 31/12/2010)

Chứng từ		Diễn giải	ghi nợ TK 511, ghi có TK khác	Σ Nợ 511
SH	NT		3332	
...	...	...		...
<b>PKT 04</b>	07/12	Đoàn Plan đặt 12 suất massage	288.000	288.000
...	...	...		...
<b>PKT 13</b>	15/12	Khách lẻ đặt 5 suất massage	120.000	120.000
...	...	...		...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>2.568.000</b>	<b>2.568.000</b>

Người lập

(ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)



**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 31/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tổng hợp thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp từ 01/12 đến 31/12	511	3332	2.568.000	
<b>Cộng</b>			<b>2.568.000</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S31-DN  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN**

Tài khoản: 3332

Đối tượng: Thuế tiêu thụ đặc biệt

Tháng 12/2010

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			<b>Số dư đầu tháng 12</b>				-	<b>25.241.500</b>
			<b>Số phát sinh tháng</b>					
...	...	...	...	...	...	...	...	...
07/12	PKT 04	07/12	Đoàn Plan đặt 12 suất massage	511		288.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
15/12	PKT 13	15/12	Khách lẻ đặt 5 suất massage	511		120.000		
...	...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>			2.568.000		
			<b>Dư cuối tháng</b>				-	<b>27.809.500</b>

Sổ này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên)

## **2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán**

Do đặc điểm của công ty là cung cấp các dịch vụ nên giá vốn hàng bán ở đây chính là giá thành của các dịch vụ mà công ty cung cấp

### **2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng**

❖ Chứng từ sử dụng

Phiếu xuất kho, phiếu kế toán

Bảng tổng hợp tiền lương công nhân trực tiếp

Bảng tổng hợp chi phí sản xuất chung

❖ Tài khoản sử dụng

Tài khoản 621: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

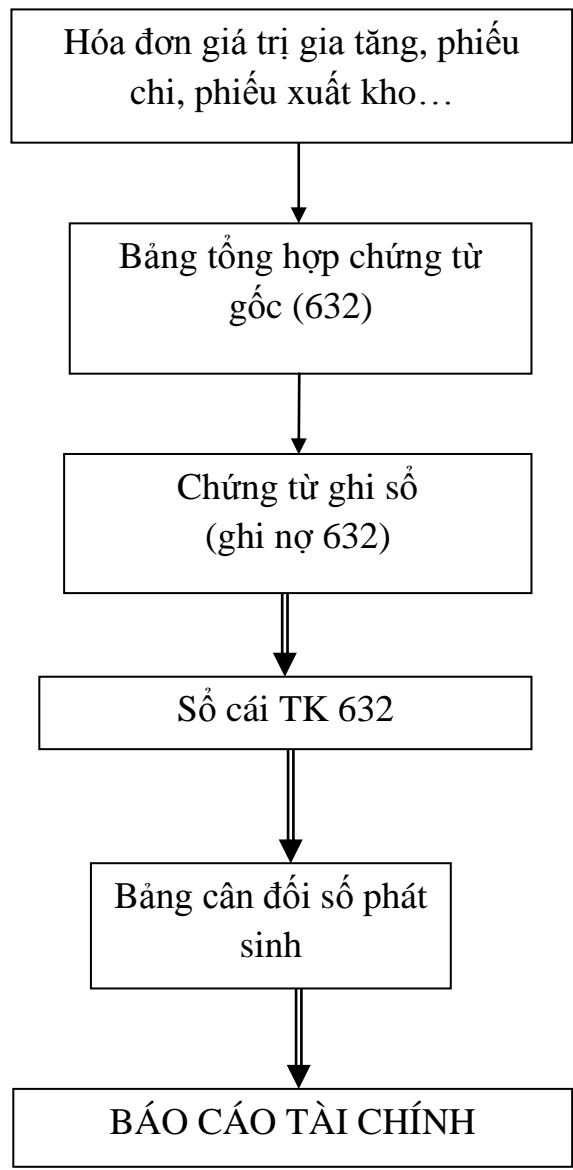
Tài khoản 622: chi phí nhân công trực tiếp

Tài khoản 627: chi phí sản xuất chung

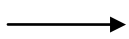
Tài khoản 632: giá vốn hàng bán

2.2.2.2. Quy trình hạch toán

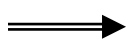
Sơ đồ 2.5: Sơ đồ quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng

Ví dụ:

-Tập hợp chi phí tính giá thành cho toàn bộ phòng nghỉ khách sạn Hải Âu tháng 12/2010

-Tập hợp giá vốn hàng sách Biệt thự Bảo Đại tháng 12/2010

❖ Tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bộ phận buồng khách sạn Hải Âu

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

### **BẢNG KÊ CHI PHÍ**

Nguyên vật liệu đặt phòng/ 1 phòng

Tháng 12/2010

Chỉ tiêu	Kem đánh răng, bàn chải	Xà phòng bánh	Dầu gội	Lược	Tổng tiền
Số lượng	02	01	02	01	
Đơn giá	2.300	3.200	1.000	1.500	
Tiền	4.600	3.200	2.000	1.500	<b>11.300</b>

Ngày 31/12/2010

Người lập

Cụ thể như ngày 20/12/2010 xuất kho đồ đặt phòng phục vụ phòng nghỉ khách sạn Hải Âu

Công ty Cổ phần

Mẫu số:02-VT

Du lịch Đồ Sơn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Số 261

Nợ TK621: 565.000

Có TK152: 565.000

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Hồng Vân

Địa chỉ: bộ phận buồng khách sạn Hải Âu

Lý do xuất kho: xuất đồ đặt phòng

Xuất tại kho: K1 Địa điểm:

ST T	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư,dụng cụ,SP HH	Mã số	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Kem đánh răng, bàn chải	152K	Hộp	100	100	2.300	230.000
2	Xà phòng bánh	152X	Bánh	50	50	3.200	160.000
3	Dầu gội	152D	Gói	100	100	2.000	200.000
4	Lược	152L	Chiếc	50	50	1.500	75.000
Tổng cộng							565.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: Năm trăm sáu mươi năm nghìn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 20 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

Người giao hàng

Thủ kho

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Khách sạn Hải Âu tháng 12/2010 có tất cả 344 lượt phòng được sử dụng đón khách, nguyên vật liệu đặt phòng được xuất kho làm nhiều lần trong tháng  
Chi phí nguyên vật liệu đặt phòng Hải Âu tháng 12 là:  $344 * 11.300 = 3.887.200$  đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 621: 3.887.200

Có TK 152: 3.887.200

Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:

Nợ TK 632: 3.887.200

Có TK 621: 3.887.200

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**PHIẾU KẾ TOÁN (số 25)**

Chi phí nguyên vật liệu đặt phòng khách sạn Hải Âu

Tháng 12/2010

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá thành	Tổng tiền
Chi phí nguyên vật liệu	344	11.300	<b>3.887.200</b>

Ngày 31/12/2010

Người lập

❖ Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp bộ phận buồng khách sạn Hải Âu  
Chi phí nhân công trực tiếp là toàn bộ tiền lương cho nhân viên bộ phận buồng khách sạn Hải Âu tháng 12/2010 được tập hợp và phân bổ vào cuối tháng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 23.045.844

Có TK 622: 23.045.844

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG THÁNG 12 NĂM 2010**

Bộ phận bùồng ( Khách sạn Hải Âu)

TT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số đóng BHXH	Mức lương đóng BHXH	Các khoản phụ cấp	Các khoản nộp theo quy định						Tiền lương và thu nhập được nhận				
						BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	TN CN	Tổng cộng	Ngày công	Hệ số lương được hưởng	Tiền lương được hưởng	Các khoản khác	Tiền lương thực lĩnh
1	Lê Thị Hường	T bg	3.35	2.445.500		146.730	36.683	24.455	28.431		236.299	28	3	2.843.077		2.606.778
2	Đình Thị Cúc	P bg	2.0	1.460.000		87.600	21.900	14.600	21.797		145.897	28	2.3	2.179.692		2.033.795
3	Nguyễn Thị Hà	Bg	1.7	1.241.000		74.460	18.615	12.410	16.686		122.171	29	1.7	1.668.615		1.546.444
4	Lê Thị Huệ	Bg	2.0	1.460.000		87.600	21.900	14.600	18.277		142.377	27	2	1.827.692		1.685.315
5	Nguyễn Thị Hằng	Bg	2.0	1.460.000		87.600	21.900	14.600	20.631		144.731	29	2	1.963.077		1.818.346
6	Lê Thu Hương	Bg	3.35	2.445.500		146.730	36.683	24.455	22.575		230.443	29	2.3	2.257.538		2.027.095
7	Nguyễn Thị Thủy	Bg	2.4	1.752.000		105.120	26.280	17.520	19.631		168.551	29	2	1.963.077		1.794.526
8	Nguyễn Thị Hương	Bg	1.7	1.241.000		74.460	18.615	12.410	18.262		123.747	30	1.7	1.726.154		1.602.407
9	Lưu Đình Thắng	Bg	2.85	2.080.500		124.830	31.208	20.805	21.797		198.640	28	2.3	2.179.692		1.981.052
10	Hoàng Gia Xương	Bg	3.35	2.445.500		146.730	36.683	24.455	22.575		230.443	29	2.3	2.257.538		2.027.095
11	Lương Hồng Thái	Bg	2.4	1.752.000		105.120	26.280	17.520	22.797		171.717	28	2.3	2.179.692		2.007.975
	<b>Tổng</b>					<b>1.186.980</b>	<b>296.747</b>	<b>197.830</b>	<b>233.459</b>		<b>1.915.016</b>			<b>23.045.844</b>		<b>21.130.828</b>

Người lập

*(ký, họ tên)*

Kế toán trưởng

*(ký, họ tên)*



Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Tháng 12/2010

S T T	Chi tiêu	Tổng doanh thu	Khách sạn Hải Âu	Khu Biệt thự	Khách sạn Hoa Phượng	Nhà hàng Biển Đông	Biệt thự Bảo Đại	Phòng thị trường	Điện, nước	Ngoài trời, Vạn Thông	Sản xuất phụ, sửa chữa	Công ty
	<b>Doanh thu</b>	<b>1.480.297.174</b>	<b>189.767.346</b>	<b>52.107.954</b>	<b>26.079.396</b>	<b>182.088.765</b>	<b>82.452.779</b>	<b>6.518.196</b>	<b>141.406.159</b>	<b>799.876.579</b>	-	-
	Trong đó											
1	Doanh thu phòng nghỉ	<b>270.145.000</b>	154.800.000	50.235.000	24.900.000		40.210.000					
2	Doanh thu hội trường	<b>15.651.399</b>	12.174.000			3.477.399						
3	Doanh thu massage	<b>11.128.000</b>	11.128.000									
4	Doanh thu ăn giữa giờ	<b>7.436.746</b>	5.397.601			2.039.145						
5	Doanh thu ăn kinh doanh	<b>161.236.774</b>	-			138.369.202	22.867.572					
6	Doanh thu uống kinh doanh	<b>27.648.026</b>	6.267.745	1.872.954	1.179.396	15.306.224	3.021.707					
7	Ăn sáng	<b>16.066.795</b>				16.066.795						
8	Ăn uống công ty + thực chi	<b>6.830.000</b>				6.830.000						
9	Doanh thu bán vé tham quan	<b>13.355.000</b>					13.355.000					
10	Doanh thu hàng sách	<b>2.998.500</b>					2.998.500					
11	Thị trường	<b>6.518.196</b>						6.518.196				
12	Doanh thu thuê điếm	<b>799.876.579</b>								799.876.579		
13	Doanh thu điện nước	<b>141.406.159</b>							141.406.159			
	<b>Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>25.234.708</b>										

Người lập

(ký, họ tên)

Kê toán trưởng

(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ**

Tháng 12/2010

STT	Chỉ tiêu	Tổng chi phí	Khách sạn Hải Âu	Khu Biệt thự	Khách sạn Hoa Phượng	Nhà hàng Biển Đông	Biệt thự Bảo Đại	Phòng thị trường	Điện, nước	Ngoài trời, Vạn Thông	Sản xuất phụ, sửa chữa	Công ty
*	<b>Chi phí</b>	<b>1.103.594.086</b>	<b>228.980.668</b>	<b>81.213.279</b>	<b>82.138.234</b>	<b>197.510.005</b>	<b>90.006.919</b>	<b>18.790.936</b>	<b>101.952.228</b>	<b>303.001.817</b>		
<b>I</b>	<b>Chi phí các cơ sở</b>	<b>1.103.594.086</b>	<b>164.682.851</b>	<b>63.558.906</b>	<b>73.308.406</b>	<b>135.816.199</b>	<b>62.069.366</b>	<b>16.842.271</b>	<b>59.657.333</b>	<b>31.965.693</b>	<b>52.814.579</b>	<b>442.878.482</b>
<b>I.1</b>	<b>Nguyên vật liệu trực tiếp</b>	<b>95.169.478</b>	<b>9.623.272</b>	<b>2.785.254</b>	<b>1.304.882</b>	<b>67.063.021</b>	<b>12.144.621</b>	-	-	-	<b>1.567.355</b>	<b>681.073</b>
1	Đặt phòng	6.223.600	3.887.200	772.200	937.900	-	626.300	-	-	-	-	-
2	Nguyên vật liệu	88.945.878	5.736.072	2.013.054	366.982	67.063.021	11.518.321	-	-	-	1.567.355	681.073
<b>I.2</b>	<b>Nhân công trực tiếp</b>	<b>350.615.848</b>	<b>61.166.045</b>	<b>20.085.184</b>	<b>41.714.407</b>	<b>42.567.040</b>	<b>25.498.138</b>	<b>14.253.954</b>	-	-	<b>42.564.160</b>	<b>102.766.920</b>
1	BHXXH	35.313.943	6.137.292	2.038.562	4.791.914	4.015.584	2.275.653	1.111.157	-	-	6.223.104	8.720.677
2	BHYT	6.622.597	1.155.256	378.949	898.484	752.922	426.685	208.342	-	-	1.166.832	1.635.127
3	BHTN	2.077.187	386.332	122.725	299.495	250.974	14.228	69.447	-	-	388.944	545.042
4	KPCĐ	5.842.098	934.003	306.372	625.064	650.240	393.252	229.059	-	-	1.016.584	1.687.524
5	Lương và phụ cấp	259.551.833	44.359.268	14.550.805	30.868.615	30.550.500	17.681.885	10.472.180	-	-	26.692.363	84.376.217
6	Ăn	33.525.210	6.405.268	2.101.064	3.846.213	4.385.333	2.725.666	1.183.000	-	-	7.076.333	5.802.333
7	Lương hợp đồng	7.682.980	1.788.626	586.707	384.622	1.961.487	1.980.769	980.769	-	-	-	-
<b>I.3</b>	<b>Sản xuất chung</b>	<b>353.481.995</b>	<b>93.893.534</b>	<b>40.688.468</b>	<b>30.289.117</b>	<b>26.186.138</b>	<b>22.334.007</b>	<b>2.588.317</b>	<b>59.657.333</b>	<b>31.965.693</b>	<b>8.683.064</b>	<b>37.196.324</b>
1	Cấp truyền hình	870.000	320.000	100.000	300.000	60.000	90.000	-	-	-	-	-
2	CCDC	116.916.655	47.739.410	18.565.325	13.962.860	8.199.082	12.138.389	980.726	-	4.893.447	2.838.146	7.599.270
3	Điện	64.322.665	8.029.368	2.277.624	1.607.505	1.682.281	1.854.213	-	46.124.452	-	852.653	1.894.569
4	Điện thoại	7.071.878	972.910	387.804	447.331	430.090	352.226	625.514	-	-	272.390	3.583.613
5	Nước	24.218.450	5.194.116	1.473.617	1.964.810	2.053.026	-	-	13.532.881	-	-	-
6	KHTSCĐ	99.054.873	18.720.310	15.566.498	11.699.382	9.798.959	7.190.849	169.727	-	27.072.246	3.714.575	5.122.327
7	Chi phí bằng tiền	41.027.474	12.917.420	2.317.600	307.229	3.962.700	708.330	812.350	-	-	1.005.300	18.996.545

<b>I.4</b>	<b>Chi phí</b>	<b>304.326.765</b>	–	–	–	–	<b>2.092.600</b>	–	–	–	–	<b>302.234.165</b>
1	Công tác phí	2.724.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	2.724.000
2	Lôgô, maket	344.665	–	–	–	–	–	–	–	–	–	344.665
3	Thuế đất	105.250.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	105.250.000
4	Văn phòng phẩm	4.722.500	–	–	–	–	–	–	–	–	–	4.722.500
5	Quảng cáo	13.820.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	13.820.000
6	Phí, lệ phí	2.320.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	2.320.000
7	Thù lao HĐQT	11.000.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	11.000.000
8	Chi phí hoạt động khác	162.053.000	–	–	–	–	–	–	–	–	–	162.053.000
9	Giá vốn	2.092.600	–	–	–	–	2.092.600	–	–	–	–	–
<b>II</b>	<b>Chi phí phân bổ</b>	<b>495.693.061</b>	<b>64.297.817</b>	<b>17.654.373</b>	<b>8.829.828</b>	<b>61.693.806</b>	<b>27.937.553</b>	<b>1.948.665</b>	<b>42.294.895</b>	<b>271.036.124</b>	–	–
1	Tỷ lệ phân bổ	100	14.24	3.91	1.96	13.67	6.19	–	–	60.03	–	–
	Chi phí sản xuất chung	52.814.579	7.520.796	2.065.050	1.035.166	7.219.753	3.269.222	–	–	31.704.592	–	–
2	Tỷ lệ phân bổ	100	12.82	3.52	1.76	12.3	5.57	0.44	9.55	54.04	–	–
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	442.878.482	56.777.021	15.589.323	7.794.662	54.474.053	24.668.331	1.948.665	42.294.895	239.331.532	–	–
<b>**</b>	<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>3.681.707</b>										<b>3.681.707</b>

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

❖ Tập hợp chi phí sản xuất chung bộ phận buồng khách sạn Hải Âu

Chi phí sản xuất chung của bộ phận buồng bao gồm chi phí tiền cấp truyền hình, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ, chi phí tiền điện, điện thoại, tiền nước, chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí bằng tiền đối với bộ phận buồng được tổng hợp vào cuối tháng Toàn bộ chi phí của bộ phận sản xuất phụ và sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí sản xuất chung cho tất cả các cơ sở (trừ phòng thị trường, dịch vụ điện nước) dựa trên tỷ lệ doanh thu

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ} = \text{Chi phí bộ phận sản xuất phụ, sửa chữa} * \frac{\text{Doanh thu từng bộ phận}}{\text{Tổng doanh thu}}$$

Tổng doanh thu các bộ phận (trừ phòng thị trường, dịch vụ điện nước) = 1.332.372.819

$$\text{Tỷ lệ doanh thu khách sạn Hải Âu} = \frac{189.767.346}{1.332.372.819} = 14,24 \%$$

$$\text{Chi phí sản xuất chung phân bổ khách sạn Hải Âu} = 52.814.579 * 14,24 \% = 7.520.796$$

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**PHIẾU KẾ TOÁN ( số 26)**

Chi phí sản xuất chung khách sạn Hải Âu

Tháng 12/2010

Chi tiêu	Cấp truyền hình	Công cụ dụng cụ	Điện	Điện thoại	Nước	Khấu hao tài sản cố định	Chi phí bằng tiền	Chi phí phân bổ	Tổng
Số tiền	320.000	47.739.410	8.029.368	972.910	5.194.116	18.720.310	12.917.420	7.520.796	<b>101.414.330</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Chi phí sản xuất chung được tính cho toàn khách sạn Hải Âu sau đó phân bổ cho bộ phận bùồng theo tỷ lệ doanh thu tương ứng

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

### **BÁO CÁO DOANH THU**

Khách sạn Hải Âu

Tháng 12/2010

STT	Danh mục	Tổng thu	Trong đó		Ghi chú (tỷ lệ %)
			Doanh thu	Thuế VAT	
1	Doanh thu phòng nghỉ	170.280.000	154.800.000	15.480.000	81,57
2	Doanh thu hội trường	13.391.400	12.174.000	1.217.400	6,42
3	Doanh thu ăn giữa giờ	5.937.361	5.397.601	539.760	2,84
4	Doanh thu uống kinh doanh	6.894.510	6.267.736	626.774	3,31
5	Doanh thu massage	12.240.800	11.128.000	1.112.800	5,86
	<b>Cộng</b>	<b>208.744.081</b>	<b>189.767.346</b>	<b>18.976.735</b>	<b>100</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Chi phí sản xuất  
chung bộ phận bùồng  
khách sạn Hải Âu

=

Chi phí sản xuất  
chung khách sạn  
Hải Âu

\*

Doanh thu bộ phận bùồng

Doanh thu khách sạn Hải Âu

Ví dụ: Chi phí tiền điện bộ phận bùồng khách sạn Hải Âu = 8.029.368 \* 81,57% = 6.549.555 đồng

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**PHIẾU KẾ TOÁN (số 27)**

Chi phí sản xuất chung tháng 12/2010

(bộ phận bù đắp khách sạn Hải Âu)

Chi tiêu	Cấp truyền hình	Công cụ dụng cụ	Điện	Điện thoại	Nước	Khấu hao tài sản cố định	Chi phí khác bằng tiền	Chi phí phân bổ	Tổng
Số tiền	261.024	38.941.037	6.549.555	793.603	4.236.840	15.270.157	10.536.739	6.134.713	<b>82.723.668</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập

Tổng chi phí sản xuất kinh doanh cho toàn bộ phòng nghỉ khách sạn Hải Âu tháng 12/2010 là

$$3.887.200 + 23.045.844 + 82.723.668 = 109.656.712 \text{ đồng}$$

Giá vốn cho toàn bộ phòng nghỉ khách sạn Hải Âu tháng 12/2010 là 109.656.712 đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 109.656.712

Có TK 621: 3.887.200

Có TK 622: 23.045.844

Có TK 627: 82.723.668

Kết chuyển giá vốn:

Nợ TK 911: 109.656.712

Có TK 632: 109.656.712

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**PHIẾU KẾ TOÁN (số 28)**

Giá vốn phòng nghỉ khách sạn Hải Âu tháng 12/2010

Chỉ tiêu	Nguyên vật liệu trực tiếp	Nhân công trực tiếp	Sản xuất chung	Cộng
Số tiền	3.887.200	23.045.844	82.723.668	<b>109.656.712</b>

Ngày 31/12/2010

Người lập

## ❖ Giá vốn hàng sách Biệt thự Bảo Đại tháng 12/2010

Cụ thể như ngày 13/12/2010 xuất kho hàng sách bán cho đoàn đại học Ngoại ngữ

Công ty tính giá xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước, hàng sách Biệt thự Bảo Đại được xuất bán trực tiếp tại kho khi có khách mua. Tại thời điểm xuất bán cho khách hàng trong kho còn tồn loại sách Chuyện nội cung các vua triều Nguyễn là 62 quyển với giá 15.200 đồng/quyển và sách Chuyện 9 chúa 13 vua là 48 quyển với giá 10.200 đồng/quyển. Xuất bán cho khách hàng mỗi loại 15 quyển với đơn giá tương ứng như trên ta có tổng trị giá hàng xuất kho là  $15 * 15.200 + 15 * 10.200 = 381.000$  đồng, sau khi xuất bán trong kho còn lại 47 quyển Chuyện nội cung các vua triều Nguyễn và 33 quyển Chuyện 9 chúa 13 vua

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số:02-VT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 13 tháng 12 năm 2010

Số 245

Nợ TK632: 381.000

Có TK156: 381.000

Họ và tên người nhận hàng: Trần Kim Thu

Địa chỉ: Biệt thự Bảo Đại

Lý do xuất kho: hàng sách Biệt thự Bảo Đại

Xuất tại kho: K3 Địa điểm: Biệt thự Bảo Đại

ST T	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư, dụng cụ,SP HH	Mã số	ĐV tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Chuyện nội cung các vua triều Nguyễn	SNC	Quyển	15	15	15.200	228.000
2	Chuyện 9 chúa 13 vua	S9	Quyển	15	15	10.200	153.000
Tổng cộng							381.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: ba trăm tám mươi một nghìn đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ gốc

Ngày 13 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người giao hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)



Hàng sách Biệt thự Bảo Đại được xuất kho làm nhiều lần trong tháng, tháng 12/2010 Biệt thự Bảo Đại kinh doanh hàng sách với tổng giá vốn hàng sách các loại là 2.092.600 đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 2.092.600

Có TK 156: 2.092.600

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**PHIẾU KẾ TOÁN (số 42)**

Giá vốn hàng sách Biệt thự Bảo Đại tháng 12/2010

Loại sách	Đơn giá	Số lượng	Tổng tiền
Chuyện nội cung các vua triều Nguyễn	15.200	54	820.800
Chuyện ăn chơi các vua triều Nguyễn	16.700	32	534.400
Lịch sử tóm tắt triều đại nhà Nguyễn	13.400	29	388.600
Chuyện 9 chúa 13 vua	10.200	34	348.800
<b>Cộng</b>			<b>2.092.600</b>

Ngày 31/12/2010

Người lập

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**

Ghi nợ TK 632

Tháng 12 năm 2010

Chứng từ		Diễn giải	Ghi nợ TK 632, ghi có TK khác				
SH	NT		621	622	627	156	∑ Nợ 632
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PKT28</b>	31/12	Giá vốn phòng nghỉ khách sạn Hải Âu	3.887.200	23.045.844	80.727.282		109.656.712
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PKT35</b>	31/12	Giá vốn Biển Đông hàng ăn kinh doanh	50.961.190	32.346.694	25.365.070		108.672.954
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PKT42</b>	31/12	Giá vốn hàng sách Biệt thự Bảo Đại				2.092.600	2.092.600
...	...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>92.921.050</b>	<b>205.284.768</b>	<b>360.417.186</b>	<b>2.092.600</b>	<b>660.715.604</b>

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 26/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	I	D
Tổng hợp giá vốn tháng 12	632	621	92.921.050	
	632	622	205.284.768	
	632	627	360.417.186	
	632	156	2.092.600	
<b>Cộng</b>			<b>660.715.604</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Mẫu số S02c1-DN

Du lịch Đồ Sơn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu TK: 632

Ngày tháng GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày , tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh tháng 12			
31/12	26/12	31/12	Giá vốn tháng 12	621	92.921.050	
				622	205.284.768	
				627	360.417.186	
				156	2.092.600	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển giá vốn	911		660.715.604
			<b>Cộng phát sinh</b>		660.715.604	660.715.604
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

### 2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ chi phí phục vụ cho việc quản lý đến việc điều hành hoạt động kinh doanh của công ty. Chi phí quản lý doanh nghiệp cao hay thấp đều ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh của đơn vị, vì vậy công ty phải giảm tối đa chi phí quản lý doanh nghiệp tới mức có thể góp phần tăng lãi

Tại công ty chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm:

Thuế đất, thuế môn bài

Chi phí điện nước, cước dịch vụ viễn thông

Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý

Chi phí tiền lương cho bộ phận quản lý

#### 2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng

❖ Chứng từ sử dụng:

Hóa đơn giá trị gia tăng

Bảng thanh toán tiền lương bộ phận quản lý

Các chứng từ thanh toán: phiếu chi, ủy nhiệm chi

❖ Tài khoản sử dụng:

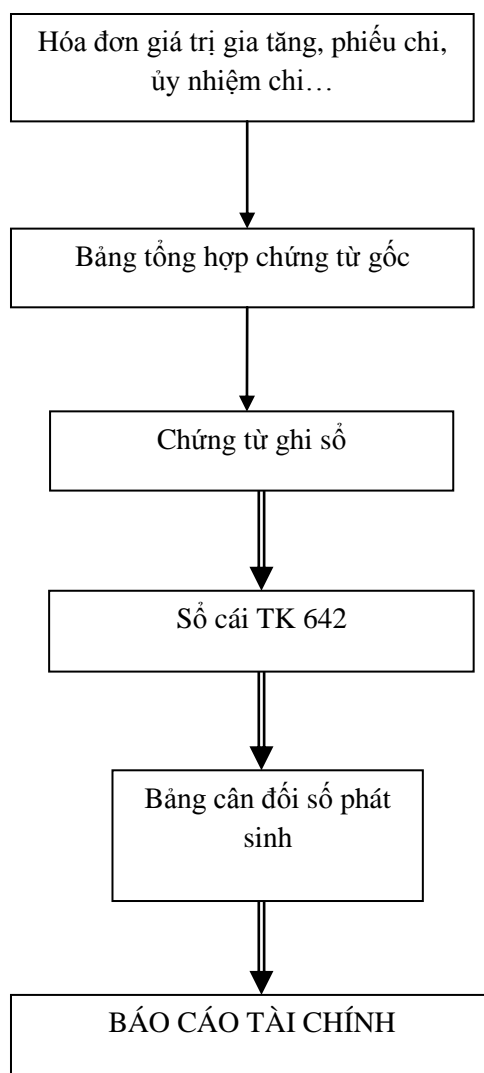
TK 641: Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 133: Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ

TK 111, 112: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

2.2.3.2. Quy trình hạch toán

Sơ đồ 2.6: Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng

Ví dụ: Ngày 18/12/2010 mua văn phòng phẩm của công ty TNHH Thu Thu phục vụ văn phòng, công ty đã thanh toán bằng tiền mặt

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 2.205.000

Nợ TK 133: 220.500

Có TK 111: 2.425.500

**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT\_3LL

KX/2010B

0019153

Liên 2: Giao cho khách hàng

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Thu Thụ

Địa chỉ: Số 20 Lý Thánh Tông – Vạn Sơn – Đồ Sơn – Hải Phòng

Số TK:

Số ĐT: MST: 0200779016

Họ và tên người mua hàng: Hoàng Diệu Linh

Tên đơn vị: Công ty cổ phần du lịch Đồ Sơn

Số TK:

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

MST:0200113875

Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Mực in	Lọ	1	1.950.000	1.950.000
Bút bi	Hộp	10	38.000	380.000

Cộng tiền hàng: 2.330.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tổng tiền thuế GTGT: 233.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 2.563.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số 02\_TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## PHIẾU CHI

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Số 1152

Nợ TK 642: 2.330.000

Nợ TK1331: 233.000

Có TK111: 2.563.000

Họ và tên người nhận tiền: *Hoàng Diệu Linh*

Địa chỉ: *Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

Lý do chi: *Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm*

Số tiền: *2.563.000*

Viết bằng chữ: *Hai triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng chẵn*

Kèm theo: *01 chứng từ gốc*

Ngày 18 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

(ký, họ tên)

KT trưởng

(ký, họ tên)

Thủ quỹ

(ký, họ tên)

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận

(ký, họ tên)



Ví dụ: Ngày 28/12/2010 Công ty thanh toán tiền điện cho bộ phận văn phòng tháng 12/2010 số tiền là 1.723.232 đồng (chưa bao gồm VAT 10%), thanh toán bằng tiền mặt

Kế toán định khoản:

Nợ TK 642: 1.723.232

Nợ TK 1331: 172.323

Có TK 111: 1.895.555

EVN NPC  
TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC  
MIỀN BẮC

Mẫu số 01  
GTKT2/001

Ký hiệu: UH/11T

### HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (TIỀN ĐIỆN)

(Liên 2: giao cho khách hàng)

Từ ngày 25/11 đến ngày 25/12/2010

Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Địa chỉ : Số 9 - Trần Hưng Đạo

Điện thoại: 0312.210.206

Mã số thuế: 0200340211

Tên khách hàng: Văn phòng Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Địa chỉ: Khu 2 – Quận Đồ Sơn – Hải Phòng

Điện thoại:

Mã số thuế: 0200113875

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	HS nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
KT	11851	10927	1	924	1.864	1.722.336
Ngày 28 tháng 12 năm 2010			Cộng	388		1.722.336
Bên bán điện			Thuế suất GTGT 10%			172.233
			Tổng cộng tiền thanh toán			1.894.569
Số tiền viết bằng chữ: Một triệu tám trăm chín tư nghìn năm trăm sáu chín đồng						

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số 02\_TT**

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC*

*Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU CHI**

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Số 1179

Nợ TK 642: 1.722.336

Nợ TK1331: 172.233

Có TK111: 1.894.569

Họ và tên người nhận tiền: *Nguyễn Văn Thanh*

Địa chỉ: *Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

Lý do chi: *Thanh toán tiền điện văn phòng*

Số tiền: *1.894.569 đồng*

Viết bằng chữ: *Một triệu tám trăm chín tư nghìn năm trăm sáu chín đồng*

Kèm theo: *01 chứng từ gốc*

Ngày 28 tháng 12 năm 2010

Giám đốc

KT trưởng

Thủ quỹ

Người lập phiếu

Người nhận

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

*(ký, họ tên)*

Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**

Ghi có TK 111

Tháng 12 năm 2010

(Từ 15/12/2010 đến 31/12/2010)

Chứng từ		Diễn giải	Ghi có TK 111, ghi nợ TK khác				
SH	NT		642	331	1331	...	Σ Có 111
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PC1149</b>	16/12	Trả tiền đăng quảng cáo tại Resort		6.350.000			6.350.000
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PC1152</b>	18/12	Mua văn phòng phẩm	2.330.000		233.000		2.563.000
...	...	...	...	...	...	...	...
<b>PC1179</b>	28/12	Thanh toán tiền điện văn phòng	1.722.336		172.233		1.894.569
...	...	...	...	...	...	...	...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>179.605.100</b>	<b>42.384.600</b>	<b>24.357.620</b>	...	<b>742.878.482</b>

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 11/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Tổng hợp chi tiền mặt từ 15/12 đến 31/12	642	111	179.605.100	
	331	111	42.384.600	
...	...	...	...	...
<b>Cộng</b>			<b>742.878.482</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Mẫu số S02c1-DN

Du lịch Đồ Sơn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu TK: 642

Ngày tháng GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	....	...	....	...
31/12	11/12	31/12	Tổng hợp chi tiền mặt từ 15/12 đến 31/12	111	179.605.100	
...	...	...	....	...	....	...
31/12	21/12	31/12	Chi phí khấu hao TSCĐ	214	5.122.327	
...	...	...	....	...	....	...
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý	911		442.878.482
			<b>Cộng phát sinh</b>		442.878.482	442.878.482
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

#### **2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính**

Kế toán hoạt động tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn phát sinh trong tháng bao gồm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính, đó là khoản lãi từ tiền gửi ngân hàng và khoản lãi tiền vay ngân hàng do trong quá trình sản xuất kinh doanh công ty vay vốn để kinh doanh

##### **2.2.4.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng**

❖ Chứng từ sử dụng

Ủy nhiệm chi

Giấy báo có

Giấy báo nợ

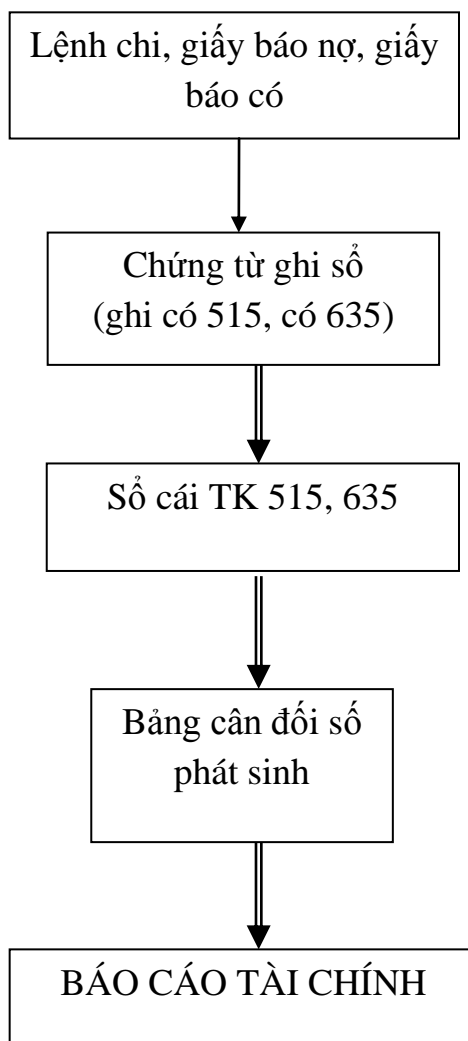
❖ Tài khoản sử dụng

Lãi tiền gửi ngân hàng được kế toán theo dõi và hạch toán vào tài khoản 515 doanh thu hoạt động tài chính

Khoản lãi tiền vay ngân hàng được kế toán theo dõi và hạch toán vào tài khoản 635 chi phí hoạt động tài chính

**2.2.4.2. Trình tự hạch toán**

**Sơ đồ quy trình hạch toán hoạt động tài chính tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn**



Ghi chú:

—————> Ghi hàng ngày

=====> Ghi cuối tháng

Ví dụ: Ngày 31/12/2010 ngân hàng Công thương Đồ Sơn gửi giấy báo có với nội dung trả lãi tiền gửi tháng 12 năm 2010 với số tiền là 25.234.708 đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 112: 25.234.708

Có TK 515: 25.234.708

Ngân hàng Công thương Việt Nam

**GIẤY BÁO CÓ**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Hôm nay chúng tôi thông báo đã ghi Có vào tài khoản có của Quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi Có: 102010000205814  
 Số tiền bằng số: 25.234.708 đồng  
 Số tiền bằng chữ: Hai mươi năm triệu hai trăm ba tư nghìn bảy trăm linh tám nghìn đồng  
 Nội dung: Trả lãi tiền gửi ngân hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty Cổ phần  
 Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02a-DN  
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 28/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Doanh thu hoạt động tài chính	112	515	25.234.708	
<b>Cộng</b>			<b>25.234.708</b>	

Người lập  
 (ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
 (ký, họ tên)



Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu TK: 515

Ngày tháng GS	Chứng từ ghi số		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày , tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh trong tháng			
31/12	28/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng	112		25.234.708
31/12	32/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	25.234.708	
			<b>Cộng phát sinh</b>		25.234.708	25.234.708
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Ví dụ: Ngày 31/12/2010 Công ty phải trả lãi tiền vay ngân hàng với số tiền là  
3.681.707 đồng

Kế toán định khoản:

Nợ TK 635: 3.681.707

Có TK 112: 3.681.707

**Ngân hàng Công thương Việt Nam**

### **LỆNH CHI**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tên đơn vị trả tiền: *Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn*

Tài khoản nợ: *102010000205814*

Tại ngân hàng: *Ngân hàng Công thương Việt Nam*

Số tiền bằng số: *3.681.707 đồng*

Số tiền bằng chữ: *Ba triệu sáu trăm tám mươi một nghìn bảy trăm linh bảy đồng*

Tên đơn vị nhận tiền: *Ngân hàng Công thương Việt Nam*

Tài khoản có: *102010000316810*

Tại ngân hàng: *Ngân hàng Công thương Việt Nam*

Nội dung: *Trả lãi tiền vay ngân hàng*

Đơn vị trả tiền

Ngày hạch toán: 31/12/2010

Kế toán

Chủ tài khoản

Giao dịch viên

Kiểm soát

Ngân hàng Công thương Việt Nam

## GIẤY BÁO NỢ

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kính gửi: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Hôm nay chúng tôi thông báo đã ghi Nợ vào tài khoản có của Quý khách với nội dung sau:

Số tài khoản ghi nợ: 102010000205814

Số tiền bằng số: 3.681.707 đồng

Số tiền bằng chữ: Ba triệu sáu trăm tám mươi một nghìn bảy trăm linh bảy đồng

Nội dung: Trả lãi tiền vay ngân hàng

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## CHỨNG TỪ GHI SỔ

Số 29/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Chi phí hoạt động tài chính	635	112	3.681.707	
<b>Cộng</b>			<b>3.681.707</b>	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Mẫu số S02c1-DN

Du lịch Đồ Sơn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu TK: 635

NT GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh trong tháng			
31/12	29/12	31/12	Chi phí hoạt động tài chính	112	3.681.707	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911		3.681.707
			<b>Cộng phát sinh</b>		3.681.707	3.681.707
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

## **2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Bất kỳ một doanh nghiệp nào khi tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đều phải quan tâm đến hiệu quả, kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định

### **2.2.5.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng**

Để xác định kết quả hoạt động kinh doanh kế toán sử dụng tài khoản 911 “xác định kết quả kinh doanh”. Tài khoản này dùng để xác định kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty là kết quả của hoạt động kinh doanh các dịch vụ

Các tài khoản có liên quan:

Tài khoản 511: doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản 632: giá vốn hàng bán

Tài khoản 515: doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản 635: chi phí hoạt động tài chính

Tài khoản 711: thu nhập khác

Tài khoản 811: chi phí khác

Tài khoản 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

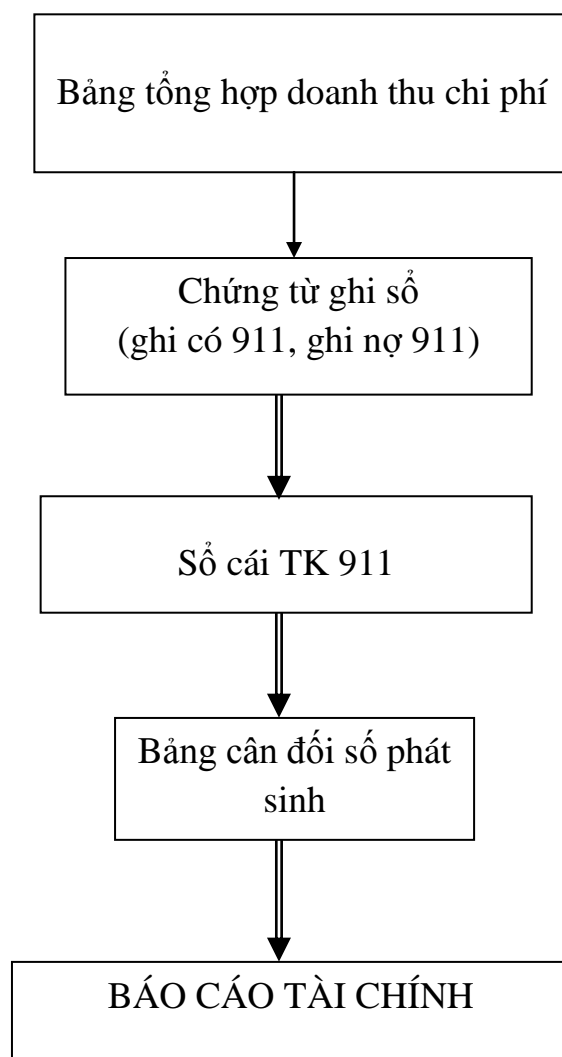
Tài khoản 911: xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 821: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

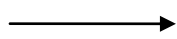
Tài khoản 421: lợi nhuận chưa phân phối

2.2.5.2. Quy trình hạch toán

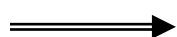
Sơ đồ quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn



Ghi chú:



Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP DOANH THU**

Tháng 12/2010

TT	Họ và tên	Chức danh	Hệ số đóng BHXH	Mức lương đóng BHXH	Các khoản phụ cấp	Các khoản nộp theo quy định					Tiền lương và thu nhập được nhận					
						BHXH	BHYT	BHTN	ĐPCĐ	TN CN	Tổng cộng	Ngày công	Hệ số lương được hưởng	Tiền lương được hưởng	Các khoản khác	Tiền lương thực lĩnh
1	Lê Thị Hường	T bg	3.35	2.445.500		146.730	36.683	24.455	28.431		236.299	28	3	2.843.077		2.606.778
2	Đình Thị Cúc	P bg	2.0	1.460.000		87.600	21.900	14.600	21.797		145.897	28	2.3	2.179.692		2.033.795
3	Nguyễn Thị Hà	Bg	1.7	1.241.000		74.460	18.615	12.410	16.686		122.171	29	1.7	1.668.615		1.546.444
4	Lê Thị Huế	Bg	2.0	1.460.000		87.600	21.900	14.600	18.277		142.377	27	2	1.827.692		1.685.315
5	Nguyễn Thị Hằng	Bg	2.0	1.460.000		87.600	21.900	14.600	20.631		144.731	29	2	1.963.077		1.818.346
6	Lê Thu Hương	Bg	3.35	2.445.500		146.730	36.683	24.455	22.575		230.443	29	2.3	2.257.538		2.027.095
7	Nguyễn Thị Thùy	Bg	2.4	1.752.000		105.120	26.280	17.520	19.631		168.551	29	2	1.963.077		1.794.526
8	Nguyễn Thị Hương	Bg	1.7	1.241.000		74.460	18.615	12.410	18.262		123.747	30	1.7	1.726.154		1.602.407
9	Lưu Đình Thắng	Bg	2.85	2.080.500		124.830	31.208	20.805	21.797		198.640	28	2.3	2.179.692		1.981.052
10	Hoàng Gia Xướng	Bg	3.35	2.445.500		146.730	36.683	24.455	22.575		230.443	29	2.3	2.257.538		2.027.095
11	Lương Hồng Thái	Bg	2.4	1.752.000		105.120	26.280	17.520	22.797		171.717	28	2.3	2.179.692		2.007.975
	<b>Tổng</b>					<b>1.186.980</b>	<b>296.747</b>	<b>197.830</b>	<b>233.459</b>		<b>1.915.016</b>			<b>23.045.844</b>		<b>21.130.828</b>

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ**

Tháng 12/2010

STT	Chỉ tiêu	Tổng chi phí	Khách sạn Hải Âu	Khu Biệt thự	Khách sạn Hoa Phượng	Nhà hàng Biển Đông	Biệt thự Bảo Đại	Phòng thị trường	Điện, nước	Ngoài trời, Vạn Thông	Sản xuất phụ, sửa chữa	Công ty
*	<b>Chi phí</b>	<b>1.103.594.086</b>	<b>228.980.668</b>	<b>81.213.279</b>	<b>82.138.234</b>	<b>197.510.005</b>	<b>90.006.919</b>	<b>18.790.936</b>	<b>101.952.228</b>	<b>303.001.817</b>		
<b>I</b>	<b>Chi phí các cơ sở</b>	<b>1.103.594.086</b>	<b>164.682.851</b>	<b>63.558.906</b>	<b>73.308.406</b>	<b>135.816.199</b>	<b>62.069.366</b>	<b>16.842.271</b>	<b>59.657.333</b>	<b>31.965.693</b>	<b>52.814.579</b>	<b>442.878.482</b>
<b>I.1</b>	<b>Nguyên vật liệu trực tiếp</b>	<b>95.169.478</b>	<b>9.623.272</b>	<b>2.785.254</b>	<b>1.304.882</b>	<b>67.063.021</b>	<b>12.144.621</b>	-	-	-	<b>1.567.355</b>	<b>681.073</b>
1	Đặt phòng	6.223.600	3.887.200	772.200	937.900	-	626.300	-	-	-	-	-
2	Nguyên vật liệu	88.945.878	5.736.072	2.013.054	366.982	67.063.021	11.518.321	-	-	-	1.567.355	681.073
<b>I.2</b>	<b>Nhân công trực tiếp</b>	<b>350.615.848</b>	<b>61.166.045</b>	<b>20.085.184</b>	<b>41.714.407</b>	<b>42.567.040</b>	<b>25.498.138</b>	<b>14.253.954</b>	-	-	<b>42.564.160</b>	<b>102.766.920</b>
1	BHXXH	35.313.943	6.137.292	2.038.562	4.791.914	4.015.584	2.275.653	1.111.157	-	-	6.223.104	8.720.677
2	BHYT	6.622.597	1.155.256	378.949	898.484	752.922	426.685	208.342	-	-	1.166.832	1.635.127
3	BHTN	2.077.187	386.332	122.725	299.495	250.974	14.228	69.447	-	-	388.944	545.042
4	KPCĐ	5.842.098	934.003	306.372	625.064	650.240	393.252	229.059	-	-	1.016.584	1.687.524
5	Lương và phụ cấp	259.551.833	44.359.268	14.550.805	30.868.615	30.550.500	17.681.885	10.472.180	-	-	26.692.363	84.376.217
6	Ăn	33.525.210	6.405.268	2.101.064	3.846.213	4.385.333	2.725.666	1.183.000	-	-	7.076.333	5.802.333
7	Lương hợp đồng	7.682.980	1.788.626	586.707	384.622	1.961.487	1.980.769	980.769	-	-	-	-
<b>I.3</b>	<b>Sản xuất chung</b>	<b>353.481.995</b>	<b>93.893.534</b>	<b>40.688.468</b>	<b>30.289.117</b>	<b>26.186.138</b>	<b>22.334.007</b>	<b>2.588.317</b>	<b>59.657.333</b>	<b>31.965.693</b>	<b>8.683.064</b>	<b>37.196.324</b>
1	Cấp truyền hình	870.000	320.000	100.000	300.000	60.000	90.000	-	-	-	-	-
2	CCDC	116.916.655	47.739.410	18.565.325	13.962.860	8.199.082	12.138.389	980.726	-	4.893.447	2.838.146	7.599.270
3	Điện	64.322.665	8.029.368	2.277.624	1.607.505	1.682.281	1.854.213	-	46.124.452	-	852.653	1.894.569
4	Điện thoại	7.071.878	972.910	387.804	447.331	430.090	352.226	625.514	-	-	272.390	3.583.613
5	Nước	24.218.450	5.194.116	1.473.617	1.964.810	2.053.026	-	-	13.532.881	-	-	-
6	KHTSCĐ	99.054.873	18.720.310	15.566.498	11.699.382	9.798.959	7.190.849	169.727	-	27.072.246	3.714.575	5.122.327
7	Chi phí bằng tiền	41.027.474	12.917.420	2.317.600	307.229	3.962.700	708.330	812.350	-	-	1.005.300	18.996.545



<b>I.4</b>	<b>Chi phí</b>	<b>304.326.765</b>	-	-	-	-	<b>2.092.600</b>	-	-	-	-	<b>302.234.165</b>
1	Công tác phí	2.724.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.724.000
2	Lôgô, maket	344.665	-	-	-	-	-	-	-	-	-	344.665
3	Thuế đất	105.250.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	105.250.000
4	Văn phòng phẩm	4.722.500	-	-	-	-	-	-	-	-	-	4.722.500
5	Quảng cáo	13.820.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	13.820.000
6	Phí, lệ phí	2.320.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.320.000
7	Thù lao HĐQT	11.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.000.000
8	Chi phí hoạt động khác	162.053.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	162.053.000
9	Giá vốn	2.092.600	-	-	-	-	2.092.600	-	-	-	-	-
<b>II</b>	<b>Chi phí phân bổ</b>	<b>495.693.061</b>	<b>64.297.817</b>	<b>17.654.373</b>	<b>8.829.828</b>	<b>61.693.806</b>	<b>27.937.553</b>	<b>1.948.665</b>	<b>42.294.895</b>	<b>271.036.124</b>	-	-
1	Tỷ lệ phân bổ	100	14.24	3.91	1.96	13.67	6.19	-	-	60.03	-	-
	Chi phí sản xuất chung	52.814.579	7.520.796	2.065.050	1.035.166	7.219.753	3.269.222	-	-	31.704.592	-	-
2	Tỷ lệ phân bổ	100	12.82	3.52	1.76	12.3	5.57	0.44	9.55	54.04	-	-
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	442.878.482	56.777.021	15.589.323	7.794.662	54.474.053	24.668.331	1.948.665	42.294.895	239.331.532	-	-
<b>**</b>	<b>Chi phí hoạt động tài chính</b>	<b>3.681.707</b>										<b>3.681.707</b>

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Cách xác định kết quả kinh doanh

$$\begin{matrix} \text{Kết} & & \text{Doanh thu} & & \text{Các khoản} & & \text{Giá} & & \text{Doanh} & & \text{Chi} & & \text{Chi phí} \\ \text{quả kinh} & = & \text{bán hàng} & - & \text{giảm trừ} & - & \text{vốn} & + & \text{thu hoạt} & - & \text{phí tài} & - & \text{quản lý} \\ \text{doanh} & & \text{và cung cấp} & & \text{doanh thu} & & & & \text{động tài} & & \text{chính} & & \text{doanh} \\ & & \text{dịch vụ} & & & & & & \text{chính} & & & & \text{nghị} \\ & & & & & & & & & & & & \text{ệp} \end{matrix}$$

Kế toán tổng hợp xác định kết quả hoạt động kinh doanh tháng 12/2010 của Công ty

Kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển sau:

- Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Nợ TK 511: 1.480.297.174

Có TK 911: 1.480.297.174

- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu

Nợ TK 911: 2.568.000

Có TK 511: 2.568.000

- Kết chuyển giá vốn hàng bán

Nợ TK 911: 660.715.604

Có TK 632: 660.715.604

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 515: 25.234.708

Có TK 911: 25.234.708

- Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính

Nợ TK 911: 3.681.707

Có TK 635: 3.681.707

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp

Nợ TK 911: 442.878.482

Có TK 642: 442.878.482

Kế toán thực hiện tính kết quả lãi lỗ của toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Kết quả kinh doanh =

$$\begin{aligned} 1.480.297.174 - 2.568.000 - 660.715.604 + 25.234.708 - 3.681.707 - 442.878.482 \\ = 395.688.089 \end{aligned}$$

Kết quả kinh doanh = 395.688.089 > 0 : lãi

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp = 395.688.089 \* 25% = 98.922.022

Lợi nhuận sau thuế = 296.766.067

Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp:

Nợ TK 821: 98.922.022

Có TK 3334: 98.922.022

Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp :

Nợ TK 911: 98.922.022

Có TK 821: 98.922.022

Kết chuyển lãi sau thuế:

Nợ TK 911: 296.766.067

Có TK 421: 296.766.067

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02a-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 32/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	1.480.297.174	
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	25.234.708	
<b>Cộng</b>			<b>1.505.531.882</b>	

Người lập

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 33/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp	911	511	2.568.000	
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	660.715.604	
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	442.878.482	
Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	911	635	3.681.707	
Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	911	821	98.922.022	
Kết chuyển lãi sau thuế	911	421	296.766.067	
<b>Cộng</b>			<b>1.505.531.882</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 34/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	821	3334	98.922.022	
<b>Cộng</b>			<b>98.922.022</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Mẫu số S02c1-DN

Du lịch Đồ Sơn

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu TK: 911

NT GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	I
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh trong tháng 12			
31/12	32/12	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511		1.480.297.174
31/12	32/12	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		25.234.708
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp	511	2.568.000	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	660.715.604	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	642	442.878.482	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển chi phí hoạt động tài chính	635	3.681.707	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	821	98.922.022	
31/12	33/12	31/12	Kết chuyển lãi sau thuế	421	296.766.067	
			<b>Cộng phát sinh</b>		<b>1.505.531.882</b>	<b>1.505.531.882</b>
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.480.297.174	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.26	2.568.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)	10	VI.27	1.477.729.174	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.28	660.715.604	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		817.013.570	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.29	25.234.708	
7. Chi phí tài chính	22	VI.30	3.681.707	
Trong đó chi phí lãi vay	23			
8. Chi phí bán hàng	24		–	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		442.878.482	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (24 + 25)}	30		395.688.089	
11. Thu nhập khác	31		–	
12. Chi phí khác	32		–	
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		–	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		395.688.089	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.31	98.922.022	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.32	–	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		296.766.067	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		–	

Lập ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3:****MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ CHỨC  
KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ  
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN****3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI  
PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH**

Trong nền kinh tế hiện nay sức cạnh tranh giữa các doanh nghiệp ngày càng mạnh mẽ và gay gắt, bất kỳ một doanh nghiệp nào muốn tồn tại và phát triển đều phải tự tìm cho mình một phương hướng và cách hoạt động hiệu quả nhất. Nhà nước tạo ra môi trường kinh doanh còn doanh nghiệp phải tự mình tìm thị trường để hoạt động

Trong quá trình phát triển Công ty đã có nhiều thay đổi cả về chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt là sau khi cổ phần hóa Công ty đã có nhiều chuyển biến mới như nâng cấp sửa chữa nhà hàng khách sạn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, đổi mới công tác quản lý nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ công nhân viên thích ứng với sự thay đổi mạnh mẽ của cơ chế thị trường. Vì vậy Công ty không những đứng vững mà ngày càng phát triển mạnh mẽ, tạo uy tín với khách hàng mở ra nhiều cơ hội cho sự phát triển lâu dài của Công ty.

Từ tình hình thực tế đó Công ty luôn quan tâm hàng đầu tới việc đổi mới phương thức bán hàng, tăng cường công tác quản lý nhân sự, áp dụng khoa học công nghệ mới nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ

**3.1.1. Ưu điểm**

Trong quá trình học tập và tìm hiểu thực tế về phần hành kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn em thấy:

Bộ máy quản lý nói chung và bộ phận kế toán nói riêng của Công ty đã không ngừng tìm tòi hoàn thiện và nâng cao năng lực để phục vụ đáp ứng mọi hoạt động kinh doanh của Công ty

❖ Về bộ máy quản lý:



Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý tập trung, gọn nhẹ, linh hoạt và rất hiệu quả. Đặc điểm của Công ty kinh doanh đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nên các phòng ban được phân theo chức năng nhiệm vụ phù hợp và thuận tiện cho công tác kiểm tra, kiểm soát.

Các phòng ban hoạt động độc lập và hỗ trợ lẫn nhau khi cần thiết, đảm bảo hoàn thành tốt mọi hoạt động của Công ty.

❖ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo hình thức tập trung, cơ cấu gọn nhẹ phù hợp với đặc điểm của Công ty. Quy trình làm việc của bộ máy kế toán khoa học hợp lý công việc của từng cán bộ kế toán phù hợp với trình độ và khả năng của mỗi người, cán bộ kế toán đều có kinh nghiệm chuyên môn vững vàng về lĩnh vực tài chính kế toán, vận dụng một cách linh hoạt vào thực tế. Nhờ đó công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của hàng hóa, dịch vụ được thực hiện một cách hiệu quả, xử lý và cung cấp các thông tin về chỉ tiêu doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh một cách kịp thời cho lãnh đạo Công ty có phương hướng phát triển trong thời gian tới.

Cùng với sự phối hợp của các phòng ban chức năng của Công ty phòng kế toán đã hoàn thành tốt nhiệm vụ thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin tài chính.

Công ty chú trọng tới vấn đề nâng cao công tác kế toán, thường xuyên tạo điều kiện cử cán bộ đi học các lớp bồi dưỡng đào tạo nghiệp vụ kế toán.

❖ Chứng từ sử dụng

Các chứng từ về tiêu thụ ban đầu tổ chức luân chuyển hợp pháp, hợp lệ, đầy đủ thông tin và nhanh chóng.

❖ Hình thức kế toán

Công ty áp dụng hệ thống kế toán do bộ tài chính ban hành, vận dụng hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. Việc áp dụng hình thức kế toán này trong hạch toán kế toán đảm bảo ghi chép thông tin đầy đủ, chi tiết, chính xác, thuận tiện cho việc kiểm tra đối chiếu sau này thông qua đó giúp kế toán trưởng nắm bắt được chi tiết nhanh chóng kết quả và tình hình kinh doanh.

### **3.1.2. Nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm về bộ máy quản lý, bộ máy kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng thì Công ty còn một số mặt hạn chế như sau:

Hiện nay Công ty đã áp dụng máy vi tính vào công tác hạch toán kế toán tuy nhiên hệ thống sổ và trình tự ghi sổ của Công ty chưa được thực hiện trên một phần mềm kế toán nào mà mới chỉ xây dựng một số phần hành trên chương trình Word, Exel và việc ghi chép thủ công. Trong khi đó hoạt động kinh doanh của Công ty ngày càng mở rộng, các nghiệp vụ kế toán phát sinh ngày càng nhiều khiến kế toán của Công ty phải đảm nhiệm một khối lượng công việc rất lớn do đó đòi hỏi cần có máy móc công nghệ trợ giúp là điều rất cần thiết. Công ty đã sử dụng máy vi tính nhưng không tận dụng hết chức năng gây lãng phí và hiệu quả công việc không cao

Kế toán không lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ vào cuối tháng để tính tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng

Các dịch vụ của Công ty chất lượng đã được khách hàng đánh giá cao tuy nhiên Công ty chưa linh hoạt trong phương thức bán hàng cụ thể như với những khách hàng sử dụng dịch vụ với số lượng lớn chưa được hưởng chiết khấu thương mại chính sách ưu đãi hợp lý

## **3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN**

### **3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Đối với công tác quản lý hoàn thiện quá trình kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa, từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ sản phẩm điều tiết chi phí. Hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành sản phẩm dịch vụ làm tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng kết quả kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác kích thích người lao động và thực

hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước

Đối với công tác kế toán hoàn thiện nghiệp vụ kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đánh giá hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua đó các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp từ đó nhà quản lý sẽ ra những biện pháp giải quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển

### **3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện**

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng đắn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện công tác này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao

Để đạt hiệu quả trong hoàn thiện kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho không vi phạm chế độ

Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh có hiệu quả do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo phù hợp với đặc điểm kinh doanh của mình. Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết là luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất

### **3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn**

Trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn trên cơ sở tìm hiểu và nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học em nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty còn có những hạn chế cần được khắc phục thì phần hành kế toán này của Công ty sẽ được hoàn thiện hơn, có hiệu quả hơn. Em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán này như sau:

#### *Ý kiến thứ nhất:*

Công ty nên đưa phần mềm kế toán vào trong công việc để việc tính toán nhẹ hơn và chính xác hơn và đạt hiệu quả cao hơn. Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán dành riêng cho lĩnh vực quản lý khách sạn du lịch sử dụng rất tiện lợi như: phần mềm kế toán khách sạn VNSOFL của công ty ST&T, phần mềm quản lý nhà hàng khách sạn của công ty Vĩnh Hưng

Để sử dụng một trong các phần mềm trên Công ty có thể liên hệ một trong những địa chỉ sau sẽ có chuyên gia trực tiếp đến để lắp đặt và hướng dẫn sử dụng

Công ty TNHH dịch vụ thương mại và công nghệ ST&T

Địa chỉ: số 133 Nguyễn Tuân – Thanh Xuân – Hà Nội

Điện thoại: (84,4) 73.056.818. Fax: (84, 4) 62.852.473

E-mail: [Company@vnstt.net](mailto:Company@vnstt.net)

Công ty Cổ phần công nghệ Vĩnh Hưng

Địa chỉ: số 69 – Khu tập thể Tổng cục chính trị - Phố Trung Kính – Phường Yên Hòa – Quận Cầu Giấy – Hà Nội

Điện thoại: (84,4).821.385

Email: [Congnghevinhhung@vnn.vn](mailto:Congnghevinhhung@vnn.vn)

Trình tự kế toán theo hình thức máy vi tính: Hàng ngày căn cứ vào chứng từ ghi sổ của bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi nợ, ghi có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thống kê sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy định

của phần mềm kế toán các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp, các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Cuối tháng hoặc bất kỳ thời điểm nào cần thiết kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo tính chính xác trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra đối chiếu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy

Cuối tháng cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay

#### *Ý kiến thứ 2:*

Công ty nên lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ để tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong tháng, việc lập sổ đăng ký chứng từ ghi sổ tạo thuận lợi cho việc đối chiếu kiểm tra của kế toán. Việc tính toán của kế toán đảm bảo tính chính xác khi Tổng số phát sinh Có và tổng số phát sinh Nợ của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ

Đơn vị:...

Địa chỉ:...

**Mẫu số S02b-DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Năm :...

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày, tháng	
A	B	1
- Cộng tháng - Cộng lũy kế từ đầu quý		

Sổ này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ ĐĂNG KÝ CHỨNG TỪ GHI SỔ

Năm 2010

Chứng từ ghi sổ		Số tiền
Số hiệu	Ngày tháng	
A	B	1
...	...	...
01/12	15/12	761.228.310
...	...	...
05/12	15/12	114.127.222
...	...	...
26/12	31/12	660.715.604
...	...	...
32/12	31/12	1.505.531.882
...	...	...
Cộng		<b>11.261.307.877</b>

Sổ này có ...trang, đánh số từ trang 01 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

*Ý kiến thứ 3:*

Nên áp dụng các chính sách bán hàng một cách linh hoạt thực hiện chính sách chiết khấu hợp lý với từng khách hàng. Với những khách hàng mua với số lượng lớn sẽ được hưởng ưu đãi chiết khấu một phần nhất định, đây là nghệ thuật đánh vào tâm lý khách hàng khoản chiết khấu không phải là lớn xong sẽ thu hút được những khách hàng tiềm năng và tạo mối quan hệ lâu dài giữa khách hàng và Công ty

Giả dụ như với những khách hàng sử dụng dịch vụ phòng nghỉ với số lượng từ 10 phòng trở lên Công ty sẽ chiết khấu 3% trên tổng số tiền khách hàng thanh toán

Ví dụ: ngày 12/12/2010 công ty Vinashin thuê 10 phòng nghỉ tại khách sạn Hải Âu với giá 450.000 đồng/phòng (chưa bao gồm VAT 10%) thanh toán bằng chuyển khoản. Khách hàng được Công ty cho hưởng chiết khấu thương mại 3% trên tổng số tiền thanh toán



**HÓA ĐƠN**  
**GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Mẫu số: 01GTKT\_3LL

GE/2010B

0030213

Liên 3: Nội bộ

Ngày 12 tháng 12 năm 2010

Đơn vị bán hàng: Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn

Địa chỉ: Khu 2 - Vạn Hương - Đồ Sơn - Hải Phòng

Số TK: 102010000205814

Điện thoại: MST: 0200113875

Họ và tên người mua hàng: Vũ Tuấn Hùng

Tên đơn vị: Công ty Vinashin

Địa chỉ: Số 20 Hồ Xuân Hương – Hồng Bàng – Hải Phòng

Số TK: 102010000160194

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MST: 0200112145

Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
Phòng nghỉ	phòng	10	450.000	4.500.000

Cộng tiền hàng: 4.500.000

Thuế suất GTGT: 10%

Tổng tiền thuế GTGT: 450.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 4.950.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

(ký, họ tên)

Công ty cho khách hàng hưởng 3% chiết khấu thương mại trên tổng số tiền thanh toán tương ứng với số tiền là  $4.950.000 * 3\% = 148.500$  đồng, khách hàng sẽ được trừ trực tiếp khoản chiết khấu này khi thanh toán. Kế toán định khoản:

Ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 112: 4.950.000

    Có TK 511: 4.500.000

    Có TK 3331: 450.000

Khoản chiết khấu thương mại phát sinh:

Nợ TK 521: 135.000

Nợ TK 3331: 13.500

    Có TK 112: 148.500

Kết chuyển xác định doanh thu:

Nợ TK 511: 135.000

    Có TK 521: 135.000

**Công ty Cổ phần**

**Du lịch Đồ Sơn**

**PHIẾU KẾ TOÁN (số 08)**

Chiết khấu cho công ty Vinashin ngày 12/12

Chỉ tiêu	TKĐƯ		Số tiền
	Nợ	Có	
Chiết khấu cho công ty Vinashin ngày 12/12	511	521	<b>135.000</b>

Ngày 12/12/2010

Người lập

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

**BẢNG TỔNG HỢP CHỨNG TỪ GỐC**

Ghi nợ TK 511

Tháng 12 năm 2010

(Từ 01/12/2010 đến 31/12/2010)

Chứng từ		Diễn giải	ghi nợ TK 511, ghi có TK khác		Σ Nợ 511
SH	NT		3332	521	
...	...	...	...	...	...
<b>PKT 04</b>	07/12	Đoàn Plan đặt 12 suất massage	288.000		288.000
...	...	...			...
<b>PKT 08</b>	12/12	Chiết khấu cho Công ty Vinashin		135.000	135.000
...	...	...	...	...	...
<b>PKT 13</b>	15/12	Khách lẻ đặt 5 suất massage	120.000		120.000
...	...	...			...
		<b>Cộng tháng 12</b>	<b>2.568.000</b>	<b>7.055.500</b>	<b>9.623.500</b>

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

**Công ty Cổ phần  
Du lịch Đồ Sơn**

**Mẫu số S02a-DN**  
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CHỨNG TỪ GHI SỔ**

Số 31/12

Ngày 31/12/2010

Trích yếu	Số hiệu TK		Số tiền	Ghi chú
	Nợ	Có		
A	B	C	1	D
Kết chuyển thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp từ 01/12 đến 31/12	511	3332	2.568.000	
Kết chuyển chiết khấu thương mại	511	521	7.055.500	
<b>Cộng</b>			<b>9.623.500</b>	

Người lập  
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Công ty Cổ phần

Du lịch Đồ Sơn

Mẫu số S02c1-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Năm 2010

Tên tài khoản: Chiết khấu thương mại

Số hiệu TK: 521

Ngày tháng GS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	F	1
...	...	...	...	...	...	...
			<b>Dư đầu tháng 12</b>		–	–
			Số phát sinh trong tháng			
...	...	...	....	...	....	...
15/12	04/12	15/12	Chiết khấu cho khách hàng	112	3.265.000	
...	...	...	...	...	...	...
31/12	31/12	31/12	Kết chuyển chiết khấu thương mại xác định doanh thu	511	...	7.055.500
			<b>Cộng phát sinh</b>		7.055.500	7.055.500
			<b>Dư cuối tháng</b>		–	–

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 1 đến trang...

Ngày mở sổ...

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

*Ý kiến thứ 4: Một số ý kiến nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty*

- Không ngừng củng cố chuyên môn, kỹ năng phục vụ cho toàn bộ nhân viên trong Công ty. Thường xuyên mở các khóa đào tạo nâng cao tay nghề, đồng thời tạo điều kiện cho nhân viên đi học thêm nâng cao trình độ
- Tích cực tìm hiểu, mở rộng thị trường duy trì và ổn định thị trường truyền thống, khai thác thị trường trong nước và quốc tế
- Mở rộng quan hệ hợp tác tích cực tham gia các hội nghị về khách sạn du lịch để tìm kiếm cơ hội, nắm bắt nhanh nhạy thị trường cùng các cơ hội cạnh tranh để có phương án tốt nhất trong kinh doanh, hợp tác với công ty khác để tổ chức các tour du lịch
- Quản lý và sử dụng triệt để nguồn tài sản cố định, sử dụng tiết kiệm các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng, giá vốn hàng bán để giảm giá thành tăng lợi nhuận kinh doanh cho Công ty

## **KẾT LUẬN**

Như vậy đối với bất kỳ doanh nghiệp kinh doanh nào thì hoạt động doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của hàng hóa dịch vụ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn em luôn nhận thấy tinh thần trách nhiệm và thái độ của từng cán bộ công nhân viên của Công ty luôn làm việc hết mình và tuân thủ tốt những quy định của Công ty và nhất là phòng kế toán thì mục tiêu bán hàng và kết quả bán hàng luôn được đặt lên hàng đầu. Khi công tác bán hàng của đạt hiệu quả cao đồng nghĩa với sự tồn tại bền vững và phát triển lâu dài của Công ty

Mặc dù đã rất cố gắng xong bản chuyên đề này của em không thể tránh khỏi những sai sót và hạn chế nhất định, em rất mong nhận được sự chỉ bảo góp ý của các thầy cô giáo, ban lãnh đạo và các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty để đề tài của em có giá trị thực tế

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn của cô giáo - Thạc sĩ Nguyễn Thị Thúy Hồng, ban lãnh đạo và đặc biệt là các cô chú, anh chị trong phòng kế toán của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn đã giúp đỡ em hoàn thành chuyên đề tốt nghiệp này

*Hải Phòng, tháng 06 năm 2011*

Sinh viên

*Lương Thị Bích Châu*

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) – Nhà xuất bản Tài chính
2. Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp của Tiến sĩ Nguyễn Văn Lợi và Thạc sĩ Nguyễn Thanh Tùng – Nhà xuất bản Tài chính
3. Giáo trình lý thuyết hạch toán kế toán của Phó giáo sư-Tiến sĩ Nguyễn Thị Đông – Nhà xuất bản Tài chính
4. Khóa luận tốt nghiệp mẫu của Đại học khóa 10 chuyên ngành kế toán kiểm toán tại thư viện trường Đại học Dân lập Hải Phòng
5. Số liệu sổ sách do phòng kế toán Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn cung cấp
6. Nguồn thông tin từ một số trang web:  
[www.phanmemketoankhachsanh.com.vn](http://www.phanmemketoankhachsanh.com.vn)  
[www.danketoan.com](http://www.danketoan.com)



## **DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT**

K/c : kết chuyển

GVHB: giá vốn hàng bán

GTGT: giá trị gia tăng

HTK: Hàng tồn kho

NVL: nguyên vật liệu

CCDC: công cụ dụng cụ

TSCĐ: tài sản cố định

CPBH: chi phí bán hàng

QLDN: quản lý doanh nghiệp

TNDN: thu nhập doanh nghiệp

**MỤC LỤC**

<b>LỜI MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP</b>	
<b>NÓI CHUNG</b> .....	2
1.1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP .....	2
1.1.1. Một số khái niệm cơ bản .....	2
1.1.1.1. Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ và điều kiện ghi nhận doanh thu .....	2
1.1.1.2. Các khoản giảm trừ doanh thu .....	3
1.1.1.3. Giá vốn hàng bán .....	4
1.1.1.4. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	4
1.1.1.5. Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính .....	5
1.1.1.6. Thu nhập khác và chi phí khác.....	5
1.1.1.7. Xác định kết quả kinh doanh.....	5
1.1.2. Vai trò ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.....	6
1.1.3. Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh .....	6
1.1.4. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp .....	7
1.2. NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	8
1.2.1. Nội dung công tác kế toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu .....	8
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	8
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng .....	8
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán .....	13
1.2.2. Nội dung công tác kế toán giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp .....	18
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	18
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	18
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán .....	21

1.2.3. Nội dung công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính .....	23
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng .....	23
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng .....	23
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	24
1.2.4. Nội dung công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác .....	25
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng .....	25
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng .....	26
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán .....	27
1.2.5. Nội dung công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh .....	28
1.2.5.1. Tài khoản sử dụng .....	28
1.2.5.2. Phương pháp hạch toán .....	29
1.3. TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ TRONG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....	30
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN.....</b>	<b>32</b>
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN....	32
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	32
2.1.1.1. Giới thiệu về Công ty .....	32
2.1.1.2. Sơ lược quá trình hình thành và phát triển.....	32
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh và nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.....	33
2.1.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty.....	38
2.1.4. Tổ chức hình thức kế toán của Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn.....	39
2.2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN .....	41
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng .....	41
2.2.1.1. Các phương thức bán hàng của Công ty .....	41
2.2.1.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng .....	41
2.2.1.3. Quy trình hạch toán .....	42

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	67
2.2.2.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	67
2.2.2.2. Quy trình hạch toán.....	68
2.2.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	85
2.2.3.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	85
2.2.3.2. Quy trình hạch toán.....	86
2.2.4. Kế toán hoạt động tài chính.....	94
2.2.4.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	94
2.2.4.2. Trình tự hạch toán.....	95
2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	101
2.2.5.1. Chứng từ, tài khoản sử dụng.....	101
2.2.5.2. Quy trình hạch toán.....	102
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC TỔ</b>	
<b>CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ</b>	
<b>KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN.....</b>	<b>112</b>
3.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU CHI PHÍ	
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	112
3.1.1. Ưu điểm.....	112
3.1.2. Nhược điểm.....	114
3.2. MỘT SỐ Ý KIẾN NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN	
DOANH THU CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI	
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH ĐỒ SƠN.....	114
3.2.1. Ý nghĩa của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác	
định kết quả kinh doanh.....	114
3.2.2. Nguyên tắc hoàn thiện.....	115
3.2.3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu chi phí	
và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Du lịch Đồ Sơn.....	116
<b>KẾT LUẬN.....</b>	<b>127</b>
<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>128</b>
<b>DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....</b>	<b>129</b>

